

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN HUY CƯỜNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG
TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRẦN HUY CƯỜNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG
TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG**

**Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số: 60.38.01.02**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. VŨ TRỌNG HÁCH**

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của bản thân tôi dưới sự hướng dẫn của **PGS.TS. Vũ Trọng Hách** – Học viện Hành chính Quốc gia. Các thông tin và số liệu sử dụng trong luận văn đều có nguồn gốc rõ ràng, trung thực từ các nguồn thông tin hợp pháp, đảm bảo tính khách quan, khoa học./.

Tác giả luận văn

Trần Huy Cường

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn **PGS.TS Vũ Trọng Hách** đã hướng dẫn và giúp đỡ tôi về mọi mặt để hoàn thành Luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Học viện Khoa học xã hội đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ tôi trong 02 năm qua để có được kết quả học tập của khóa học.

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, công chức, viên chức Cục Công nghiệp địa phương, Sở Công Thương Tiền Giang, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Tiền Giang đã tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ để tôi có thể hoàn thành việc nghiên cứu chủ đề Luận văn đúng tiến độ.

Cảm ơn những người thân, bạn bè, anh chị em học viên cùng khóa đã giúp đỡ, chia sẻ, động viên tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện bản Luận văn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận văn

Trần Huy Cường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG	6
1.1. Những khái niệm có liên quan đến đề tài	6
1.2. Sự cần thiết phải quản lý nhà nước về khuyến công	12
1.3. Nội dung quản lý nhà nước về khuyến công	13
1.4. Những yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về khuyến công	22
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG	28
2.1. Tổng quan các yếu tố tác động đến hoạt động khuyến công ở tỉnh Tiền Giang...28	
2.2. Thực trạng thực hiện quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	41
2.3. Đánh giá chung.....	48
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG.....	53
3.1. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công	53
3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công	57
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH-HĐH	: Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa.
CN-TTCN	: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp.
CN-XD	: Công nghiệp - Xây dựng.
CNNT	: Công nghiệp nông thôn.
DNNVV	: Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long .
HTX	: Hợp tác xã.
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội.
PTCN	: Phát triển công nghiệp.
QLNN	: Quản lý Nhà nước.
UBND	: Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG – BIỂU VÀ HÌNH ẢNH

Bảng 2.1: Lao động đang làm việc trong nền kinh tế.....	29
Bảng 2.2: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	30
Bảng 2.3: Cơ cấu kinh tế theo tổng VA kinh tế	33
Bảng 2.4: Hoạt động đào tạo nghề, phát triển nghề cho lao động nông thôn	35
Biểu 2.1: Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015	34
Hình 2.1: Một số hình ảnh hoạt động khuyến công Tiền Giang	39

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển công nghiệp ở nông thôn là một nội dung trọng yếu của CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn nước ta và là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH-HĐH đất nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII năm 1991 đã đề ra chủ trương phát triển công nghiệp ở khu vực nông thôn, theo đó phải “phát triển mạnh các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn”.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, nay được thay thế Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công. Trong đó xác định mục tiêu của hoạt động khuyến công nhằm: Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người; Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ các mục tiêu trên cho thấy hoạt động khuyến công có vai trò hết sức quan trọng đối với việc thúc đẩy phát triển công nghiệp ở nông thôn. Để hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh đạt mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra, trong những năm qua tỉnh Tiền Giang đã chú trọng nhiều đến các cơ sở công nghiệp nông thôn. Nhờ đó, hoạt động của các cơ sở sản xuất CN-TTCN phát triển đã góp phần

đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động, thúc đẩy khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập cho một bộ phận nhân dân, ổn định tình hình KT-XH. Những thành tựu to lớn này không tách rời hoạt động QLNN về khuyến công trong việc định hướng, hoạch định chính sách và đưa ra các giải pháp phát triển CN-TTCN. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hoạt động khuyến công cũng như hoạt động QLNN trên lĩnh vực này ở tỉnh Tiền Giang vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: tốc độ tăng giá trị sản xuất CN-TTCN chưa cao, khả năng cạnh tranh của sản phẩm CN-TTCN còn yếu kém, việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm được thực hiện... Nguyên nhân là do:

- Các cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, có rất ít doanh nghiệp đầu mối nên thị trường đầu ra của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ còn bị động, phần lớn phải tiêu thụ qua trung gian...

- Công tác QLNN về vấn đề này còn nhiều bất cập về chính sách, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công... nên chưa đáp ứng được yêu cầu cho CN-TTCN phát triển như mong muốn, thúc đẩy kinh tế chung của đất nước.

Với lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu đề tài “Quản lý nhà nước về khuyến công từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang” là hết sức cần thiết, góp phần thiết thực vào phát triển CN-TTCN và nâng cao hiệu quả QLNN về khuyến công ở tỉnh Tiền Giang.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Phát triển công nghiệp ở Khu vực nông thôn là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Những năm qua ở nước ta cũng có một số công trình nghiên cứu, các tài liệu, báo cáo, chuyên đề như: PSG, TS. Hoàng Ngọc Hòa - TS. Phạm Châu Long - PSG, TS. Nguyễn Văn Thạo (2001), Phát triển công nghiệp nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; TS. Nguyễn Văn Phúc (2004), Công nghiệp nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp phát triển, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2002), Giáo trình Kinh tế phát triển nông thôn, Nxb Thống kê, Hà Nội;

Ths. Vũ Văn Đông (2010), “Mỗi làng một sản phẩm”, Bản tin Phát triển và Hội nhập (3), Tr. 34-37; TS. Phạm Duy Hiếu - Viện Phát triển Kinh tế và Công nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp TP HCM, “Vai trò Chiến lược và Hiệu quả của Hoạt động Khuyến công trong nền kinh tế Việt Nam”, Kỷ yếu Hoạt động Khuyến công giai đoạn 2005-2009, Tr. 26.

Những công trình nghiên cứu, các tài liệu, báo cáo, chuyên đề nói trên, ở góc độ khác nhau, có đề cập đến vấn đề hoạt động về khuyến công nhưng chưa có công trình nghiên cứu, các tài liệu, báo cáo, chuyên đề nào nói trên nghiên cứu một cách cơ bản về QLNN về khuyến công, cụ thể là qua thực tiễn tại tỉnh Tiền Giang.

Vì vậy đề tài luận văn về QLNN về khuyến công từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang là đề tài không trùng với các đề tài đã được công bố ở nước ta từ trước đến nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận quản lý nhà nước về khuyến công, thực trạng quản lý nhà nước về khuyến công từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang và đưa ra phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận quản lý nhà nước về khuyến công.
- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang để rút ra những mặt hạn chế và những mặt đạt được.
- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động quản lý nhà nước về khuyến công

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: thực tiễn quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Phạm vi về thời gian: đánh giá thực trạng hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang từ năm 2011- tháng 6/2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin để nghiên cứu đề tài luận văn. Đồng thời luận văn dựa trên quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phát triển kinh tế, phát triển công nghiệp để luận giải các vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện luận văn, học viên đã sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận:

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận quản lý nhà nước về khuyến công.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý khuyến công ở một địa bàn cụ thể: tỉnh Tiền Giang để chỉ ra những kết quả đạt được và nguyên nhân, những hạn chế và nguyên nhân để làm cơ sở cho việc đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công.

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu khoa học, học tập trong các cơ sở đào tạo luật học, quản lý công, hoạch định chính sách công và hoạt động thực tiễn.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mở đầu, mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo, kết luận, luận văn bao gồm 03 Chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về khuyến công.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Chương 3: Phương pháp và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG

1.1. Những khái niệm có liên quan đến đề tài

1.1.1. *Khuyến công và vai trò của khuyến công*

1.1.1.1. *Khái niệm về khuyến công*

Ở Việt Nam, thuật ngữ khuyến công được nhắc đến nhiều trong thời gian gần đây khi nền kinh tế có bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng CNH-HĐH, nhất là CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn nhưng cho đến nay vẫn chưa có khái niệm cụ thể.

Theo Nghị định 45/2004/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công thay thế Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, khuyến công được hiểu là hoạt động khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp ở nông thôn [4].

1.1.1.2. *Vai trò của khuyến công*

Trong quá trình CNH-HĐH đất nước ta, công nghiệp ở nông thôn đóng vai trò rất quan trọng, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của hoạt động khuyến công. Có thể nói, đến nay hoạt động khuyến công đã có tác dụng rõ nét đối với các ngành tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn, sử dụng những tiềm năng sẵn có nhằm thúc đẩy phát triển CN-TTCN của địa phương. Khuyến công có các vai trò cơ bản sau:

Một là, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Từ khi có chương trình khuyến công, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng đáng kể, công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng ngày càng cao, tạo được nhiều việc làm và tăng thu nhập cho đại bộ phận dân cư lao động. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nông thôn liên tục gia tăng qua các năm, bình quân trong 05 năm (2011-2015) là 16,65%, cao hơn mức tăng trưởng bình quân toàn ngành công

ng nghiệp. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn cũng tăng trung bình cả giai đoạn là 8,64%/năm. Từ năm 2011-2015, hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề đã gắn với giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho 176.181 lao động, chuyển một phần lao động từ nông nghiệp sang làm nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao, đặc biệt là ở những vùng kinh tế khó khăn [8].

Hai là, thúc đẩy khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống.

Sự phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp ngày nay dựa trên sự phát triển đồng thời các loại hình kinh tế: Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn). Đây chính là những hạt nhân cho sự phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, tốc độ phát triển nghề, làng nghề và các cơ sở công nghiệp nông thôn trên cả nước vẫn ở mức độ thấp, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, theo hộ gia đình; khả năng tài chính yếu ớt; khả năng tiếp cận thông tin khoa học công nghệ và thị trường còn nhiều hạn chế, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện nhiệm vụ khuyến khích phát triển nghề, làng nghề và các cơ sở công nghiệp nông thôn ở các địa phương, các tỉnh, thành trên cả nước đã thành lập các Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công nghiệp (nay là Sở Công Thương). Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp là đơn vị hoạt động dịch vụ khuyến công, có chức năng và nhiệm vụ thực hiện mọi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, thành phố như: hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp; lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm; hỗ trợ cung cấp thông tin, tiếp thị, tìm kiếm thị trường; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ... để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất CN-TTCN. Các hoạt động khuyến công bước đầu đã góp phần phát triển nghề, làng nghề tại các địa phương. Như vậy, vai trò của khuyến công đối

với sự phát triển nghề, làng nghề, các cơ sở công nghiệp nông thôn là rất quan trọng trong giai đoạn CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

Ba là, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập cho một bộ phận nhân dân, góp phần ổn định tình hình KT-XH của địa phương.

Một trong những nội dung của hoạt động khuyến công là đào tạo nghề, hỗ trợ trang thiết bị phục vụ sản xuất. Trên cơ sở đó, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tổ chức khảo sát các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn, triển khai hỗ trợ theo nhu cầu của từng đơn vị. Từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương, các Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp ở các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kết quả cho thấy, công tác đào tạo nghề không những tạo việc làm, tăng thu nhập mà còn góp phần nâng cao tay nghề cho công nhân, giúp các cơ sở đẩy mạnh hiệu suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm. Từ năm 2011-2015, hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề đã gắn với giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho 176.181 lao động nông thôn [8].

Bốn là, hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp nông thôn trong lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Cơ sở công nghiệp nông thôn ở các địa phương hiện nay đã và đang đóng góp không nhỏ vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, do các cơ sở công nghiệp nông thôn có quy mô nhỏ, mối liên kết giữa các cơ sở hạn chế nên là những đối tượng dễ bị ảnh hưởng trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn hiện nay. Chính vì vậy, các địa phương rất chú trọng đến việc hỗ trợ cơ sở trong việc ổn định, duy trì sản xuất, tìm đầu ra cho sản phẩm. Từ năm 2011- tháng 6/2016, đã đào tạo khởi sự doanh nghiệp, đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho 34.482 học viên là các chủ cơ sở công nghiệp nông thôn [8].

Hoạt động khuyến công đã thể hiện vai trò là trợ thủ đắc lực cho cơ sở công nghiệp nông thôn. Khi hoạt động khuyến công được triển khai thì loại hình cơ sở công nghiệp nông thôn này có một bệ đỡ vững chắc để tiếp tục quá trình phát triển

của mình, góp phần vào thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế - xã hội mà các địa phương đã đề ra.

1.1.2. Quản lý nhà nước về khuyến công

1.1.2.1. Khái niệm

Quản lý nhà nước là một dạng của quản lý xã hội, đây là một quá trình phức tạp, đa dạng; trong nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn. Quản lý nhà nước có 02 nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp:

+ *Nghĩa rộng*: Quản lý nhà nước là toàn bộ mọi hoạt động của Nhà nước nói chung, mọi hoạt động mang tính chất Nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Nhà nước. Chủ thể quản lý theo nghĩa rộng là tất cả các cơ quan Nhà nước của bộ máy Nhà nước gồm cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ *Nghĩa hẹp*: Quản lý nhà nước là hoạt động chấp hành Hiến pháp, Luật và điều hành trên cơ sở Hiến pháp và các luật đó, vì thế còn gọi là hoạt động chấp hành và điều hành của Nhà nước. Quản lý nhà nước theo nghĩa hẹp chính là nghĩa vốn có của thuật ngữ “Quản lý nhà nước”. Chủ thể quản lý nhà nước theo nghĩa hẹp chủ yếu là toàn bộ hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước đứng đầu là Chính phủ và các cơ quan phát sinh từ chúng, các cơ quan đơn vị, tổ chức và các cán bộ, công chức trực thuộc [28, tr. 51-52].

Quản lý nhà nước Việt Nam là hoạt động quản lý Nhà nước theo nghĩa hẹp, hoạt động hành chính Nhà nước, hoạt động chấp hành và điều chỉnh của các cơ quan Nhà nước và những người có thẩm quyền hoặc các cơ quan của các tổ chức xã hội khi được trao quyền, được tiến hành trên cơ sở pháp luật để thi hành luật nhằm thực hiện hiệu quả các chức năng quản lý hành chính Nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: hành chính – chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội [29, tr. 32].

Trong luận văn này, tác giả sẽ phân tích Quản lý nhà nước về khuyến công theo nghĩa hẹp, tức là hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền về khuyến công. Theo nghĩa này, quản lý nhà nước về khuyến công là sự quản lý bằng pháp luật của các cơ quan nhà nước có chức năng trong việc định hướng, tổ chức, vận hành hệ thống khuyến công từ Trung

ương tới địa phương hoạt động có hiệu quả, nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong mỗi thời kỳ nhất định.

1.1.2.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước về khuyến công

Quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, QLNN là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước trong QLNN trước hết thể hiện ở việc các chủ thể có thẩm quyền thể hiện ý chí nhà nước thông qua phương tiện nhất định, trong đó phương tiện cơ bản và đặc biệt quan trọng được sử dụng là văn bản quản lý hành chính nhà nước. Bằng việc ban hành văn bản, chủ thể QLNN thể hiện ý chí của mình dưới dạng các chủ trương, chính sách pháp luật nhằm định hướng. Bên cạnh đó, quyền lực nhà nước còn thể hiện trong việc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành những hoạt động cần thiết để bảo đảm thực hiện ý chí nhà nước... Chính những biện pháp này là sự thể hiện tập trung và rõ nét sức mạnh nhà nước, một bộ phận tạo nên quyền lực nhà nước, nhờ đó ý chí của chủ thể QLNN được bảo đảm thực hiện để điều hòa phúc lợi, khắc phục những nhược điểm của nền kinh tế thị trường. Chính vì thế mà cần phải có sự QLNN.

Thứ hai, QLNN là hoạt động có tính thống nhất, được tổ chức chặt chẽ. Để bảo đảm QLNN thì bộ máy các cơ quan được chỉ đạo, điều hành thống nhất, bảo đảm lợi ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các địa phương tạo ra sức mạnh tổng hợp, tránh được sự cục bộ phân hóa giữa các địa phương hay vùng miền khác nhau. Tuy nhiên, do mỗi địa phương đều có những nét đặc thù riêng về điều kiện kinh tế - xã hội, nên để có thể phát huy tối đa những yếu tố của từng địa phương, tạo sự năng động sáng tạo trong quản lý điều hành, bộ máy hành chính còn được tổ chức theo hướng phân cấp, trao quyền tự quyết, tạo sự chủ động sáng tạo cho chủ thể quản lý.

Thứ ba, Hoạt động QLNN có tính chấp hành và điều hành thể hiện trong việc phải được tiến hành trên cơ sở pháp luật và nhằm mục đích thực hiện pháp luật, cho dù đó là hoạt động chủ động sáng tạo của chủ thể quản lý thì cũng không được vượt quá khuôn khổ pháp luật, điều hành cấp dưới, trực tiếp áp dụng pháp luật hoặc

tổ chức những hoạt động thực tiễn..., trên cơ sở quy định pháp luật nhằm hiện thực hóa pháp luật. Tính điều hành của hoạt động QLNN thể hiện trong việc chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật trong quá trình quản lý. Như vậy, trong mỗi hoạt động QLNN, tính chấp hành và tính điều hành luôn đan xen, song song tồn tại, chấp hành là để xây dựng pháp luật về quản lý làm cho pháp luật ngày càng hoàn thiện hơn và để tổ chức thực hiện pháp luật.

Thứ tư, QLNN là hoạt động mang tính liên tục. QLNN luôn cần có tính liên tục, kịp thời và linh hoạt để đáp ứng sự vận động không ngừng của nền kinh tế. Chính điểm đặc thù này được coi là một cơ sở quan trọng trong việc xác lập quy định về tổ chức và hoạt động, quy chế công chức, công vụ của bộ máy QLNN; tạo ra bộ máy quản lý gọn nhẹ, có sự linh hoạt trong tổ chức, năng động sáng tạo, quyết đoán và chịu sự ràng buộc trách nhiệm đối với hoạt động của mình.

Ngoài những đặc điểm cơ bản của quản lý nhà nước nói trên, quản lý nhà nước còn có những đặc điểm khác đối với một số lĩnh vực, trong lĩnh vực về khuyến công có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, về chủ thể quản lý: đó là các cơ quan quản lý có thẩm quyền chung (Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến công là Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan (như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ...), Sở Công Thương và các Sở có liên ngành (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Nội vụ...).

Thứ hai, về khách thể và đối tượng quản lý: Khách thể của quản lý nhà nước về khuyến công là trật tự các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh liên quan đến khuyến công. Đối tượng của quản lý nhà nước về khuyến công là tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN tại huyện, thị xã, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm.

Thứ ba, về nội dung quản lý. Nội dung quản lý nhà nước về khuyến công bao gồm: ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về khuyến công; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch,

đề án khuyến công, tổ chức bộ máy quản lý và bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công; đầu tư và thu hút các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công.

Thứ tư, việc hình thành, thực hiện quản lý đầu tư khuyến công là một phần nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý khuyến công, tạo môi trường hấp dẫn, thu hút các nguồn vốn, nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước, tạo nhiều công ăn việc làm mới, kết nối các tỉnh, thành lân cận góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Thứ năm, các biện pháp chế tài áp dụng khi vi phạm pháp luật về khuyến công bao gồm: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định 45/2004/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công, tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.2. Sự cần thiết phải quản lý nhà nước về khuyến công

1.2.1. Thực hiện chức năng của Nhà nước trong phát triển kinh tế, phát triển công nghiệp nông thôn

Công nghiệp Việt Nam trong những năm qua đã vươn lên, ngày càng trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước. Tỷ trọng công nghiệp không ngừng tăng, góp phần quan trọng trong tổng thu nhập quốc dân. Năm 2011, tỷ trọng công nghiệp trong GDP chỉ có 32,24% năm 2011, đến năm 2013 đạt 33,19% và năm 2015 là 33,25%. Trong khi đó, tỷ trọng nông nghiệp giảm tương ứng từ 19,57% năm 2011 xuống 17,96% năm 2013 và năm 2015 chỉ còn 17% [8, tr. 5].

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp đang đặt ra những vấn đề mới và tác động mạnh mẽ đến sự thay đổi trong chính sách. Nếu như trước đây, nông nghiệp luôn là “mặt trận hàng đầu” thì nay, phát triển công nghiệp trở thành quan tâm cao nhất. Thực tiễn cho thấy để đạt mục tiêu tăng trưởng công nghiệp, bên cạnh những thay đổi trong chính sách cần thiết phải có những chương

trình khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghiệp và để đảm bảo chương trình hiệu quả cần có sự QLNN về chương trình đó.

1.2.2. Bảo đảm cho hoạt động khuyến công diễn ra theo đúng định hướng của Nhà nước

Công tác khuyến công ở nước ta đã được tổ chức thực hiện từ năm 1996, bắt đầu ở An Giang, nhưng chỉ mang tính tự phát. Công tác này chỉ thực sự phát huy hiệu quả từ khi có Nghị định 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển CNNT nay được thay thế Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công. Tuy nhiên, đối với nhiều địa phương, công tác này vẫn còn rất mới mẻ, chưa đi vào quỹ đạo, vì vậy rất cần sự quản lý của Nhà nước. Thông qua các quy hoạch, chương trình chứa đựng những định hướng, quan điểm cụ thể, các mục tiêu cần phải đạt được sẽ giúp cho khuyến công hoạt động theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra, làm đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong từng giai đoạn cụ thể.

1.2.3. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi để công nghiệp nông thôn phát triển

Công tác khuyến công nếu được thực hiện tốt, theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động, thúc đẩy khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập cho một bộ phận nhân dân, góp phần ổn định tình hình KT-XH... Điều đó khẳng định tầm quan trọng của khuyến công trong phát triển công nghiệp nông thôn. Để vai trò này ngày càng phát huy hiệu quả, nhất thiết đòi hỏi phải có các cơ chế, chính sách của Nhà nước, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác khuyến công.

1.3. Nội dung quản lý nhà nước về khuyến công

1.3.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công

Công tác xây dựng văn bản pháp luật là một nội dung quan trọng không thể thiếu đối với hoạt động QLNN trong lĩnh vực khuyến công. Để thực hiện việc

QLNN về khuyến công, Chính phủ đã xây dựng và ban hành Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, nay được thay thế Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công. Đây cũng chính là cơ sở pháp lý cho việc quản lý nhà nước về khuyến công cụ thể:

- *Phạm vi áp dụng của Nghị định này cụ thể:* Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TCCN tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: DNNVV, HTX, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công [4].

- *Hoạt động khuyến công thực hiện các nội dung sau:*

+ Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động.

+ Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.

+ Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm.

+ Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư; thành lập doanh nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

+ Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình,

sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm...

- + Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- + Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn [4].

Bộ Công Thương là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công, căn cứ Nghị định 45/2012/NĐ-CP, Bộ Công Thương ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các quy định có liên quan đến lĩnh vực khuyến công. Như:

- + Thông tư liên tịch 16/2011/TTLT-BCT-BNV ngày 05/4/2011 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương.

- + Thông tư 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 về Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- + Thông tư 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 về Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

- + Thông tư 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 về Hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 về Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Ngoài hệ thống văn bản pháp luật quy định chung, một số văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến từng lĩnh vực về khuyến công cũng được ban hành. Như:

- + Quyết định 999/QĐ-BCT ngày 19/02/2013 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghiệp địa phương;

+ Thông tư liên tịch 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 30/6/2015 về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

+ Thông tư 26/2015/TT-BCT ngày 17/8/2015 về Quy định chi tiết thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

Việc ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về khuyến công góp phần tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước ta về khuyến công, đưa công tác khuyến công dần đi vào khuôn khổ pháp luật, tạo được cơ sở pháp lý đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác khuyến công.

1.3.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công

- Cục Công nghiệp địa phương là tổ chức của Bộ Công Thương để giúp Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công được quy định tại Điều 15, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công như sau:

1. Tham mưu Bộ Công Thương xây dựng Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn, trình Chính phủ phê duyệt cụ thể Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án, dự toán, xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia hàng năm. Tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia và việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

- Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công như sau:

1. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án khuyến công quốc gia tại địa phương khi được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

3. Phối hợp với Cục Công nghiệp địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn địa phương.

4. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn.

5. Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương. Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai kế hoạch khuyến công địa phương sau khi được phê duyệt.

Việc xây dựng, triển khai và đưa vào các chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả công tác khuyến công, đưa công tác khuyến công đi vào khuôn khổ, tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn hiểu rõ các chính sách. Mặt khác, việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công cụ thể tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ làm công tác khuyến công thực hiện nhiệm vụ dễ dàng.

1.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý và bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công

Cán bộ làm công tác khuyến công là lực lượng quan trọng có vai trò quan trọng để đưa đường lối, chính sách khuyến công của Đảng đến với các cơ sở công nghiệp nông thôn và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách đó. Chính vì thế, Nhà nước đã chú trọng công tác tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác khuyến công từ Trung ương đến địa phương. Theo Điều 15, Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công quy định trách nhiệm bộ máy quản lý nhà nước về khuyến công từ Trung ương đến địa phương như sau:

- Bộ Công Thương giúp Chính phủ thực hiện chức năng QLNN về hoạt động khuyến công.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động khuyến công theo quy định của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động khuyến công trong phạm vi địa phương.

- Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng QLNN về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Ngoài ra, theo quyết định số 999/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 19/02/2013 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghiệp địa phương thì Cục Công nghiệp địa phương trực thuộc Bộ Công Thương, là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng QLNN về hoạt động khuyến công theo quy định tại Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

Quản lý tổ chức biên chế, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Đặc

biệt chú trọng xây dựng bộ máy quản lý và đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, không để xảy ra tình trạng quan liêu, tham nhũng... vì lợi ích nhân dân phục vụ. Trong công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ thực hiện một cách công khai, minh bạch, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ phát huy hết khả năng của mình trong công việc. Thực hiện tốt các chính sách khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ nhằm động viên tinh thần...

1.3.4. Đầu tư và thu hút các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công

- Về nguồn kinh phí phục vụ hoạt động khuyến công, bao gồm kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương:

1. Kinh phí khuyến công quốc gia do Bộ Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện, được hình thành từ các nguồn: Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch; Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Kinh phí khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, sử dụng cho những hoạt động khuyến công do các cấp ở địa phương thực hiện, được hình thành từ các nguồn: Ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cấp hàng năm; Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Hàng năm Bộ Công Thương xây dựng, tổng hợp Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công quốc gia vào dự toán ngân sách hàng năm, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã xây dựng, tổng hợp Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công địa phương vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương mình, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

- Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

1.3.5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công

Công tác kiểm tra, thanh tra trong các hoạt động khuyến công là nội dung quan trọng không thể thiếu trong quản lý Nhà nước nói chung và quản lý Nhà nước về khuyến công nói riêng. Trong công tác quản lý đối với lĩnh vực khuyến công phải được sử dụng các công cụ này. Bởi vì công tác khuyến công chủ yếu sử dụng ngân sách công. Vì vậy, Nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công nhằm ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí, xâm phạm của công của những người được Nhà nước ủy thác quản lý công tác này đồng thời để đảm bảo các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật của cơ quan cấp trên được triển khai kịp thời và áp dụng đúng ở cấp cơ sở thì đòi hỏi công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công phải được thực hiện thường xuyên. Chính vì thế, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất chú trọng xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý đối với công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra.

Theo các quy định của pháp luật hiện hành: Luật Thanh tra năm 2010, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015, Nghị định 86/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Nghị định 07/2012/NĐ-CP Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành, Nghị định 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm pháp luật về khuyến công:

- Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở Công Thương kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Chính phủ, của

Bộ ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong công tác khuyến công.

- Tổng kiểm toán Nhà nước, Tổng Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Sở Công Thương quyết định việc kiểm tra, thanh tra và kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm... phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Sở, Thanh tra viên Sở Công Thương có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khuyến công.

Việc xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công là biện pháp giải quyết của các cơ quan nhà nước khi có hành vi vi phạm trong quá trình quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công nhằm kịp thời chấn chỉnh, định hướng tổ chức và cá nhân đó hoạt động tuân thủ pháp luật. Việc xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công phải tuân theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2013; Nghị định 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương. Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm pháp luật về khuyến công: Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công quốc gia và địa phương và thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra nhà nước chuyên ngành theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm toán và tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác QLNN. Biện pháp chế tài về khuyến công thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm các quy định của Nghị định 45/2012/NĐ-CP về khuyến công mà bị xử lý kỷ luật, bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, QLNN đối với hoạt động khuyến công là việc Nhà nước sử dụng quyền lực Nhà nước, lấy pháp luật về khuyến công làm công cụ chủ yếu để điều

chính các hành vi trong hoạt động khuyến công, nhằm góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển CN-TTCN tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới. QLNN đối với hoạt động khuyến công là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Nhà nước ta. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Nhà nước cần phải có trong tay một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng thời hệ thống pháp luật ấy lại phải được đảm bảo thực hiện thông qua một hệ thống các cơ quan nhà nước có đầy đủ quyền uy và năng lực.

1.4. Những yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về khuyến công

1.4.1. Chính trị

CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn luôn được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH-HĐH đất nước. Sự quan tâm đó được thể hiện qua NQ Trung ương lần thứ năm, khóa VII về tiếp tục đổi mới nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đặc biệt tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta đã khẳng định rõ một trong những nội dung của chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn 1996-2000 là “phát triển công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, thị trấn, thị tứ, liên kết với công nghiệp ở đô thị lớn và khu công nghiệp tập trung. Phát triển làng nghề, nhất là các làng nghề làm hàng xuất khẩu” [11, tr. 178]. Nghị quyết Trung ương lần thứ năm, khóa IX về việc đẩy nhanh CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010. Gần đây nhất, Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã tiếp tục khẳng định nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp nông thôn là "Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu gắn với vùng nguyên liệu và thị trường; đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp" [7, tr. 5].

1.4.2. Kinh tế

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta vừa mang những đặc trưng chung của kinh tế thị trường, vừa mang tính đặc thù, đó là định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khuyến

khích làm giàu chính đáng đồng thời tích cực xóa đói, giảm nghèo; phát triển kinh tế song song với thực hiện các chính sách, phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng và an sinh xã hội, chú trọng phát triển nông thôn, vùng sâu, vùng xa, làm cho khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ngày càng gần lại. Các yếu tố thị trường như thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường lao động... được tạo lập và tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội cũng như hoạt động quản lý của nhà nước, trong đó có quản lý nhà nước về khuyến công.

Yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường đòi hỏi hoạt động công vụ của nền hành chính trong đó có hoạt động quản lý nhà nước về khuyến công phải thích ứng kịp thời, nhanh nhạy với nền kinh tế nhiều thành phần. Cần thiết thực chuyển từ nền hành chính truyền thống sang nền hành chính phát triển. Là nền hành chính lấy các quy luật của thị trường (quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh) làm chuẩn mực ứng dụng trong quản lý xã hội, quản lý nhà nước, chuyển từ một nền hành chính “cai trị” sang nền hành chính “dịch vụ” phục vụ nhân dân. Tiêu chí để đánh giá nền hành chính này là hiệu quả “dịch vụ” phục vụ nhân dân tốt nhất. Mối quan hệ giữa công dân với công sở, công chức nhà nước đó là mối quan hệ “khách hàng” được dịch vụ của nền hành chính đáp ứng. Công vụ bên cạnh hoạt động quản lý, kiểm tra, kiểm soát, còn là hoạt động hướng dẫn, giải thích, phục vụ cho người dân và các tổ chức trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động thị trường một cách thuận lợi hiệu quả nhất. Đòi hỏi bộ máy được tổ chức tinh gọn, với đội ngũ cán bộ công chức làm việc có tính chuyên nghiệp cao, tinh thông về nghiệp vụ, ứng xử có văn hóa; có kỹ năng ứng dụng những phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; có khả năng nắm bắt, dự báo tình hình và giải quyết xử lý tình huống nhanh nhạy, sắc bén. Thủ tục hành chính phải đơn giản, thuận tiện, tiếp cận và xử lý công việc công việc một cách nhanh nhạy, khoa học, chính xác; không quan liêu, cửa quyền, trong sạch.

1.4.3. Pháp luật

Nhà nước không thể tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và quản lý xã hội một cách có hiệu quả nếu không thực hiện quản lý bằng pháp luật, các quyền tự do

dân chủ của công dân không thể thực hiện nếu không có pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đảng ta xác định nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Chính vì thế, pháp luật sẽ có tác động mạnh mẽ đến công tác quản lý. Một hệ thống pháp luật đồng bộ, rõ ràng, cụ thể làm cho công tác quản lý được hiệu quả và thuận lợi. Ngoài ra, pháp luật còn xác lập, củng cố và hoàn thiện những cơ sở pháp lý của nhà nước, đặc biệt là đối với hoạt động QLNN trong lĩnh vực khuyến công nhằm phát huy cao nhất hiệu lực của cơ quan quản lý. Để đạt được điều đó, pháp luật phải xác định rõ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cũng như thẩm quyền của cơ quan nhà nước. Pháp luật của nhà nước ta hiện nay phải là cơ sở để hoàn thiện bộ máy nhà nước phù hợp với cơ chế mới, mà trước hết phải cải cách một bước nền hành chính quốc gia. Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, nay được thay thế Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công hiện nay cho thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm giảm hiệu lực của cơ quan nhà nước. Đó là do được xây dựng trong điều kiện kinh tế đang từng bước hoàn thiện, chưa lường trước được sự chuyển biến tình hình, vì vậy mà còn quy định chung chung, làm cho các cấp lúng túng trong việc thi hành, bởi vậy hiệu quả QLNN trong lĩnh vực khuyến công vẫn còn thấp.

1.4.4. Khoa học – kỹ thuật

Sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về khuyến công.

+ Khoa học công nghệ phát triển ra đời của công nghệ mới làm xuất hiện và tăng cường ưu thế cạnh tranh của các sản phẩm thay thế, đe dọa các sản phẩm truyền thống của ngành CN-TTCN;

+ Sự bùng nổ của công nghệ mới làm cho công nghệ hiện hữu bị lỗi thời và tạo ra áp lực đòi hỏi các cơ sở công nghiệp nông thôn phải đổi mới công nghệ để tăng cường khả năng cạnh tranh.

Do đó, QLNN về khuyến công rất cần sự hỗ trợ đắc lực của các hệ thống phần mềm công nghệ thông tin sẽ góp phần truy cập, trao đổi thông tin chính xác, nhanh chóng, tạo tiền đề cho việc thiết lập một hệ thống thông tin liên kết, thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về khuyến công. Qua đó, có những chính sách hướng dẫn, hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, ngăn chặn việc chuyển giao những loại thiết bị, công nghệ đã qua lạc hậu vào nước ta tránh tình trạng cơ sở đầu tư không hiệu quả, góp phần hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về khuyến công.

1.4.5. Hội nhập quốc tế

Hội nhập kinh tế thế giới để phát triển là một xu thế tất yếu của thời đại. Sự giao lưu kinh tế đã liên kết các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau thành một thị trường thống nhất. Đến nay trên thế giới đã hình thành 25 tam giác kinh tế, 130 tổ chức thương mại quốc tế mà Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN năm 1995, APEC năm 1998, WTO năm 2006,... và Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TTP) vừa được ký kết đầu năm 2016. Ngoài ra, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) cũng đã được thành lập vào cuối năm 2015 và đang được coi là một bước ngoặt đánh dấu sự hòa nhập toàn diện của nền kinh tế Đông Nam Á.

Đến nay, Việt Nam đã tham gia thiết lập FTA (*Hiệp định thương mại tự do (FTA): Hiệp ước thương mại giữa hai hoặc nhiều quốc gia*) với 15 nước trong khung khổ của 6 FTA khu vực (AFTA, ACFTA, AKFTA, AJFTA, AANZFTA, AIFTA), với phạm vi lĩnh vực tự do hóa khác nhau (thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư...) và độ sâu hội nhập khác nhau. Đồng thời, chúng ta đang trong giai đoạn cuối cùng của đàm phán ký kết một số BFTA với một số đối tác quan trọng (Thụy Sĩ, Hàn Quốc, EU, Chilê...) và cùng các nước ASEAN đàm phán ký kết Hiệp định thiết lập một số FTA khu vực (AEFTA, TPP...). Tiến trình tham gia FTA đối với nước ta là một phần trong hiện thực hóa chủ trương mở cửa, hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới. Đây chính là những dấu mốc quan trọng của nền kinh tế Việt Nam tham gia vào thị trường kinh tế thế giới.

Khi Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới, mỗi khi có sự biến động và ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa, của việc hội nhập kinh tế của một nền kinh tế lớn hay khu vực trên thế giới tất yếu ít, nhiều cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế cả nước.

Những chuyển biến kinh tế từ khi Việt Nam gia nhập WTO và các hiệp định thương mại quốc tế, đã đẩy làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam lên cao. Theo các số liệu tổng hợp của Cục Đầu tư nước ngoài (FIA) cho thấy, FDI năm 2015 đạt trên 22,7 tỷ USD (Trong đó, vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến và chế tạo với 955 dự án đăng ký mới và 517 lượt dự án tăng vốn; tỷ trọng vốn chiếm tới gần 67,0% tổng vốn đăng ký). Từ những chuyển động này, nhiều nhà kinh tế đã dự đoán Việt Nam đang vươn mình và sẽ thu hút dòng vốn FDI lớn trong thời gian tới [22].

Do đó, QLNN về khuyến công cần nghiên cứu, dự báo tình hình kinh tế thế giới, các yếu tố quốc tế như các chính sách các nước bạn hàng, luật thanh toán quốc tế, luật hàng hải quốc tế, luật quá cảnh hàng hóa... đều có sự ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tuyên truyền cho các doanh nghiệp các thông tin về lộ trình và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nâng cao năng lực giám sát thị trường tài chính nhằm kịp thời đối phó với những biến động của dòng vốn, những ảnh hưởng lây lan từ khủng hoảng tài chính của một nước trong khu vực. Đồng thời Nhà nước phải có đường lối, chính sách ngoại thương đúng đắn, phải nghiên cứu thị trường quốc tế một cách khoa học, chính xác và am hiểu các quy định của hoạt động thương mại quốc tế.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 đã nêu lên khái niệm, vai trò của khuyến công; khái niệm, đặc điểm, sự cần thiết, nội dung QLNN về khuyến công; những yếu tố tác động đến QLNN về khuyến công. Việc hệ thống hóa lý luận QLNN đối với hoạt động khuyến công cho thấy QLNN về khuyến công là yếu tố cần thiết, không thể thiếu trong tiến trình thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển công nghiệp. QLNN đối với khuyến

công sẽ đưa ra những cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi nhằm đạt được các mục tiêu khuyến công đã đề ra.

Những lý thuyết nêu trên sẽ làm cơ sở lý luận phân tích thực trạng và đề ra giải pháp hoàn thiện QLNN đối với khuyến công trong các chương sau.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

2.1. Tổng quan các yếu tố tác động đến hoạt động khuyến công ở tỉnh Tiền Giang

2.1.1. Những yếu tố về vị trí địa lý, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Tiền Giang có diện tích tự nhiên trên 2.509 km² và được chia thành 11 đơn vị hành chính, gồm: Thành phố Mỹ Tho và 10 huyện, thị (thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông). Phạm vi ranh giới hành chính của tỉnh Tiền Giang: Phía Bắc và Đông Bắc giáp Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây giáp Đồng Tháp; phía Nam giáp Bến Tre và Vĩnh Long và phía Đông giáp biển Đông.

Tiền Giang có vị trí địa lý kinh tế - chính trị khá thuận lợi, nằm liền kề với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, có 04 tuyến quốc lộ chính (Quốc lộ 1, 30, 50 và 60) chạy ngang qua tỉnh với tổng chiều dài trên 150 km, nối Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương đã rút ngắn thời gian di chuyển giữa Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh tạo cho tỉnh có vị thế như là một cửa ngõ của các tỉnh miền Tây về Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tiền Giang còn có 32 km bờ biển và hệ thống sông Tiền, sông Vàm Cỏ Tây, kênh Chợ Gạo... nối liền các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh và là cửa ngõ ra biển Đông của các tỉnh ven sông Tiền và Campuchia.

Với vị trí địa lý và hệ thống giao thông giúp cho Tiền Giang có thêm cơ hội, kết nối thuận lợi và dễ dàng với các địa phương xung quanh, trong thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường và giao lưu hợp tác kinh tế, văn hóa, du lịch với các tỉnh trong vùng.

2.1.1.2. Những yếu tố về kinh tế - xã hội

* Về nguồn nhân lực

Theo Niên giám thống kê Tiền Giang, dân số của tỉnh năm 2015 có hơn 1.728,6 ngàn người (chiếm 1,84% dân số cả nước và 6,2% dân số Vùng đồng bằng sông Cửu Long), bình quân mỗi năm, dân số của tỉnh tăng thêm ~10.140 người.

Bảng 2.1: Lao động đang làm việc trong nền kinh tế

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số lao động (lao động)	922.900	929.900	937.200	944.000	956.600
Cơ cấu:	100%	100%	100%	100%	100%
- Nông, lâm, thủy sản	61,5%	55,4%	53,9%	53,5	52,7%
- Công nghiệp+ Xây dựng	13,7%	17,0%	17,9%	18,0%	19,0%
- Dịch vụ	24,9%	27,6%	28,2%	28,5%	28,3%

Nguồn: UBND tỉnh Tiền Giang [22, tr. 10].

Hiện toàn tỉnh có khoảng 956.600 người đang làm việc trong các ngành kinh tế (chiếm 55,0% dân số). Phần lớn lao động của tỉnh làm việc trong ngành nông, lâm, thủy sản, trong giai đoạn 2011-2015, lực lượng lao động này đang có xu hướng giảm từ tỷ trọng 61,5% năm 2010, đến năm 2015 còn chiếm ~52,7%. Lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng có xu hướng tăng nhanh, từ tỷ trọng 13,7% năm 2010, đến năm 2015 tăng lên chiếm ~19,0% trong tổng lao động đang làm việc trong nền kinh tế tỉnh.

* Giá trị VA và diễn biến tăng trưởng kinh tế

Giá trị VA ngành công nghiệp năm 2015 (theo giá so sánh năm 2010) đạt khoảng 10.655 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 16,3%/năm trong giai đoạn 2011-2015, cao hơn gấp đôi tốc độ tăng trưởng VA kinh tế giai đoạn này (đạt 7,4%/năm) và các ngành kinh tế khác. Tỷ trọng VA công nghiệp trong VA nền kinh tế tỉnh (theo giá hiện hành) tăng từ 15,5% năm 2010 lên đạt khoảng 23,2% năm 2015.

* Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Thu ngân sách trên địa bàn năm 2015 đạt trên 10.753 tỷ đồng. Tổng thu

trong 05 năm 2011-2015 đạt trên 56.989 tỷ đồng và có mức tăng trưởng 6,5%/năm.

Qua thống kê cho thấy nguồn thu từ doanh nghiệp và cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chiếm cao nhất và có xu hướng tăng dần. Tỷ trọng đã tăng từ 17,6% năm 2010 lên khoảng 22,3%/năm 2015 và đạt mức tăng trưởng 11,5%/năm.

Bảng 2.2: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2013	2014	2015
Tổng thu NSNN ĐP	7.857	9.445	12.656	13.019	10.753
Cơ cấu thu NSNN ĐP	100%	100%	100%	100%	100%
1. Thu nội địa	36,7%	25,9%	22,5%	23,2%	35,6%
- Thu từ DN và cá nhân SXKD	17,6%	16,0%	14,3%	15,1%	22,3%

Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang [10].

** Về kim ngạch xuất khẩu*

Giá trị xuất khẩu của tỉnh theo các năm có xu hướng tăng dần. Đến năm 2015, giá trị xuất khẩu của tỉnh đạt khoảng 1.758 triệu USD, đạt mức tăng trưởng bình quân 15,2%/năm trong giai đoạn 2011-2015. Phân theo nhóm hàng, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và TTCN của tỉnh có đóng góp cao nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Giá trị xuất khẩu trong 5 năm 2011-2015 của nhóm công nghiệp nhẹ và TTCN đạt trên 4.090 triệu USD, chiếm tới 64,0% tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm [21, tr. 35].

2.1.1.3. Những yếu tố về cơ sở hạ tầng

** Hệ thống giao thông*

- *Giao thông đường bộ:* Nhìn chung hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh có mật độ dày và phát triển đều khắp. Đến nay, toàn tỉnh có trên 7.027 km đường bộ với mật độ đường đạt khoảng 2,8 km/km² và 4,2 km/1.000 dân. Ngoài ra, còn các tuyến đường huyện (tổng chiều dài khoảng 890,3 km, trải nhựa chiếm 93,7%); đường đô thị (118,7km); đường liên xã và đường nông thôn (dài 5.393 km, trải nhựa chiếm 54,4%) và đường chuyên dùng dài gần 55 km [21, tr. 32].

- *Giao thông đường thủy*: Mạng lưới đường sông ở Tiền Giang khá thuận lợi, đáp ứng năng lực cho nhu cầu vận tải, góp phần quan trọng trong nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá, đi lại và phục vụ hiệu quả trong đời sống của nhân dân. Tổng chiều dài các tuyến sông, kênh chính trên địa bàn tỉnh là 1.021 km.

- *Hệ thống cảng*: Tiền Giang hiện có 01 cảng tổng hợp (Cảng Mỹ Tho) và 07 cảng chuyên dùng chủ yếu là cảng cá và cảng xăng dầu. Ngoài ra, tỉnh còn có 226 bến thủy dọc sông Tiền và các tuyến kênh khác phục vụ bốc dỡ nội bộ hàng hóa, vật liệu, nông sản, lương thực...

Nhìn chung, mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy phân bố rộng khắp và khá đồng đều trên địa bàn các huyện, thị, đảm bảo giao thông thuận lợi, góp phần lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, giao thương hàng hóa và đi lại của người dân. Tuy nhiên, chất lượng chưa cao, chưa đồng bộ trong toàn hệ thống, nên đã làm hạn chế phần nào tải trọng của phương tiện vận chuyển và các hoạt động giao thông đi lại.

** Hệ thống cấp điện*

Tiền Giang được nhận điện từ hệ thống điện quốc gia thông qua tuyến đường dây 220kV, 110kV và từ các nhà máy nhiệt điện, thủy điện thuộc khu vực phía Nam. Tỉnh có lưới 500 kV Nhà Bè - Ô Môn đi qua; lưới 220kV có 09 tuyến và 02 trạm biến áp, trạm Cai Lậy 220/110kV, công suất (2x125) MVA, nhận điện từ tuyến 220kV Phú Lâm - Cai Lậy và trạm Mỹ Tho 220/110kV, công suất (2x125) MVA, nhận điện từ tuyến 220kV Phú Mỹ - Cai Lậy; lưới 110 có 12 tuyến và 09 trạm biến áp phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Các tuyến trung thế đã được cải tạo và xây dựng ở cấp 22kV; các trạm hạ thế được vận hành ở cấp điện áp 12,7/0,23kV hoặc 22/0,4kV. Hiện tại 173 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Đến nay, tỷ lệ hộ có điện năng đạt 99,99% (năm 2010 đạt 99,76%); số hộ nông thôn có điện sử dụng đạt 99,96% (năm 2010 đạt 99,72%) [21, tr. 32].

** Hệ thống cấp nước sạch*

- *Cấp nước đô thị*: Toàn tỉnh hiện có 13 nhà máy khai thác nước mặt, tổng chiều dài mạng lưới cấp nước đô thị là 341 km. Ngoài ra, tỉnh còn có nhiều trạm giếng khoan khai thác nước ngầm, đến năm 2015 cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng

nước của 90% dân số đô thị.

- *Cấp nước nông thôn*: Có khoảng 548 trạm cấp nước, trong đó doanh nghiệp nhà nước quản lý 70 trạm, tư nhân quản lý 11 trạm và hợp tác xã, tổ hợp tác quản lý 365 trạm. Hiện tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 96,63% (trong đó đạt theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế là 75%) [21, tr. 32].

* *Bưu chính, viễn thông, internet*

Đến năm 2015, số thuê bao điện thoại của tỉnh đạt 9,5 máy/100 dân; hạ tầng truyền dẫn cáp quang, cáp đồng được kéo đến 100% trung tâm các xã; tổng số thuê bao Internet đạt khoảng 90.248 thuê bao (tăng trên 49.350 thuê bao so với năm 2010) đạt 5,2 thuê bao/100 dân [21, tr. 33].

Nhìn chung, hệ thống giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng và hệ thống bưu chính, viễn thông trên địa bàn đã và đang được từng bước hoàn thiện để phục vụ cho các mục tiêu phát triển KT-XH và tương đối thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế và đi lại của nhân dân

2.1.2. Thực trạng khuyến công ở tỉnh Tiền Giang

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Tiền Giang trực thuộc Sở Công Thương ra đời với chức năng phục vụ QLNN ngành Công Thương tại địa phương. Trung tâm có nhiệm vụ khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế, khuyến khích các cơ sở công nghiệp nông thôn tích cực đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất; nuôi dưỡng, hỗ trợ phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp thu hút nhiều lao động ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn... Góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng của ngành công nghiệp tỉnh.

2.1.2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Đến năm 2015, kinh tế của tỉnh vẫn là cơ cấu nông, lâm, thủy sản; dịch vụ và CN-XD. Từ năm 2011-2015, tăng trưởng kinh tế của tỉnh gắn liền với sự gia tăng và xu thế chuyển dịch nhanh tỷ trọng ngành CN-XD. Do có nhiều cơ sở công

ngành đi vào hoạt động sản xuất nên ngành CN-XD đã tăng từ 19,5% năm 2010, lên ~26,6% năm 2015, chủ yếu là đóng góp từ ngành công nghiệp với tỷ trọng từ 15,5% lên ~23,2% trong giai đoạn 05 năm 2011-2015.

Bảng 2.3: Cơ cấu kinh tế theo tổng VA kinh tế

Đơn vị: % (Giá hiện hành)

STT	Ngành kinh tế	2010	2013	2015
	Tổng VA	100 %	100 %	100 %
1	Công nghiệp -Xây dựng	19,5 %	22,9 %	26,6 %
	- <i>Công nghiệp</i>	15,5 %	19,5 %	23,2 %
2	Dịch vụ	31,8 %	31,4 %	31,5 %
3	Nông, lâm, thủy sản	48,7 %	45,7 %	41,9 %

Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang [10].

2.1.2.2. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp

Số cơ sở sản xuất công nghiệp toàn tỉnh đã tăng từ 7.420 cơ sở năm 2010 lên 8.554 cơ sở năm 2015, tốc độ phát triển bình quân là 2,9%/năm. Sự gia tăng của các cơ sở sản xuất công nghiệp đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động đồng thời có sự chuyển dịch đáng kể từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp [10].

2.1.2.3. Lao động công nghiệp

Là một tỉnh đông dân, chiếm 9,8% tổng dân số của Vùng ĐBSCL năm 2015 và có lực lượng lao động chiếm gần 55% dân số của tỉnh nên nguồn lao động có khả năng đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển công nghiệp. Năm 2010 lao động công nghiệp của tỉnh là 69.250 người, chiếm tỷ lệ 36,6% so với tổng số lao động toàn tỉnh (tổng lao động toàn tỉnh là 189.066 người); năm 2015 là 137.676 người, chiếm 49,4% so tổng số lao động toàn tỉnh (tổng lao động toàn tỉnh là 278.724 người), tăng bình quân 14,7%/năm.

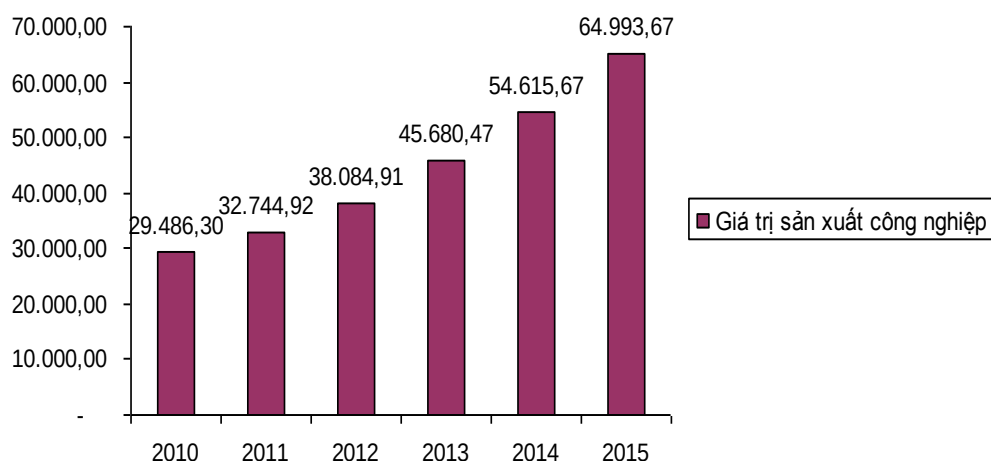
2.1.2.4. Giá trị sản xuất công nghiệp và cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành công nghiệp

* Giá trị sản xuất công nghiệp

Theo giá so sánh năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh tăng bình quân 17,1%/năm trong giai đoạn 2011-2015. Giá trị sản xuất công nghiệp ngày càng cao đã góp phần làm tăng giá trị kinh tế toàn tỉnh.

Biểu 2.1: Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Sở Công Thương Tiền Giang [22, tr. 13].

** Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành công nghiệp*

Công nghiệp chế biến và chế tạo luôn là ngành chủ chốt của tỉnh, tỷ trọng năm 2010 là 98,36% đến năm 2015 là 99,05%, còn lại là các ngành khai khoáng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải chiếm tỷ trọng không đáng kể.

2.1.2.5. Hoạt động khuyến công tại tỉnh Tiền Giang

Hoạt động khuyến công đã góp phần hỗ trợ tư vấn cho cơ sở công nghiệp nông thôn định hướng phát triển sản xuất, đạt những kết quả đáng khích lệ.

** Chương trình đào tạo và phát triển nghề cho lao động nông thôn*

Đây là một trong những chương trình trọng tâm của hoạt động khuyến công. Hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề được thực hiện đã giải quyết được nhiều việc làm và thu hút được số lượng lớn lao động nông nhân, bước đầu tạo được thu nhập ổn định cho lao động nông thôn, đã có tác động trực tiếp đến đời sống xã hội ở địa

phương, đặc biệt đối với ngành tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu là một trong những ngành tác động tích cực đến việc khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống trong tỉnh. Thời gian qua, từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương được duyệt, Sở Công Thương Tiền Giang đã chỉ đạo cho Trung tâm Khuyến công phối hợp với Phòng Kinh tế thành, thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện và các cơ sở công nghiệp nông thôn tổ chức được 51 lớp đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho lao động tại các xã trên địa bàn tỉnh.

Bảng 2.4: Hoạt động đào tạo nghề, phát triển nghề cho lao động nông thôn

Năm	Số lớp	Lượt người tham gia	Kinh phí (triệu đồng)
2011	16	460	213
2012	08	230	201,7
2013	17	500	922,2
2014	08	230	424,5
2015	02	60	44,6
Tổng cộng	51	1.480	1.806

Nguồn: UBND tỉnh Tiền Giang [20].

Qua số liệu bảng cho thấy, từ năm 2011-2015, kinh phí cho hoạt động đào tạo nghề và phát triển nghề tuy tăng đều qua từng năm nhưng số lượng lớp học và lượt người tham gia đã giảm mạnh. Đặc biệt trong năm 2015 không chỉ giảm về số lượng lớp học và lượt người tham gia học tập mà còn giảm cả nguồn kinh phí. Nguyên nhân của tình trạng này là do:

Thứ nhất, hiện nay hoạt động đào tạo nghề, phát triển nghề được nhiều cơ quan, đơn vị trong tỉnh tổ chức thực hiện theo nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau của Nhà nước. Ở Tiền Giang, hoạt động này được thực hiện bởi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Đại học, Trường Cao đẳng Nghề, các tổ chức đoàn thể dưới nhiều hình thức khác nhau đã tạo ra sự cạnh tranh giữa các đơn vị.

Thứ hai, mức hỗ trợ về kinh phí học tập, trợ cấp cho học viên của Trung tâm Khuyến công còn thấp do nguồn kinh phí cho hoạt động này là có hạn và thời gian

đào tạo các lớp học thường ngắn nên học viên có xu hướng lựa chọn học tập ở những đơn vị khác có thời gian tổ chức lớp học dài hơn, sự hỗ trợ về kinh phí học tập và mức trợ cấp cao hơn.

Thứ ba, nguồn kinh phí kể cả ở Trung ương và địa phương cấp cho hoạt động khuyến công hiện nay là rất ít, trong khi hoạt động khuyến công phải thực hiện nhiều nội dung nên ở từng thời điểm sẽ có sự tăng hoặc giảm kinh phí cho từng nội dung khác nhau.

** Chương trình nâng cao năng lực quản lý của doanh nghiệp công nghiệp*

Các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang trong những năm qua đã đóng góp không nhỏ cho tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, quy mô hoạt động của các doanh nghiệp nhìn chung không lớn, phương thức hoạt động manh mún, rời rạc, thiếu tính liên kết, máy móc kỹ thuật cũ kỹ, lạc hậu và khả năng cạnh tranh yếu. Nguyên nhân do thiếu các kiến thức để quản trị hiệu quả. Nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về việc cung cấp kiến thức cơ bản khởi sự doanh nghiệp, kỹ năng quản lý và điều hành doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thời gian qua, Sở Công Thương đã phối hợp với Cục Công nghiệp địa phương; Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; Vụ thị trường Châu Phi, Tây Á, Nam Á, Viện nghiên cứu chiến lược - Bộ Công Thương... tổ chức 16 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn với 691 lượt người tham dự với tổng kinh phí 674 triệu đồng.

Ngoài ra, để giúp cho doanh nghiệp tìm hiểu thực tế, có thêm kinh nghiệm quản lý trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế, giúp doanh nghiệp cải tiến mô hình sản xuất kinh doanh nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; Sở Công Thương đã tổ chức 06 đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh với 95 lượt người tham gia, tổng kinh phí là 276,22 triệu đồng [20, tr. 4].

** Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật*

- Từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia đã được Bộ Công Thương phê duyệt, Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp phối hợp với các Phòng Kinh tế thành, thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện khảo sát nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp, lập 13 đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật với tổng kinh phí hỗ trợ 3,5 tỷ đồng (đạt 86% kế hoạch). Các mô hình trên đã tạo việc làm cho hơn 2.000 lao động, thu hút vốn đầu tư của các cơ sở tham gia thực hiện dự án trên 110 tỷ đồng; Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại cho 17 đề án, tổng kinh phí hỗ trợ là 2,72 tỷ đồng. Chương trình đã giúp các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, tác động trực tiếp đến năng xuất sản xuất; yếu tố quan trọng trong việc phát triển sản xuất công nghiệp ở nông thôn trong thời hội nhập theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng, số lượng và an toàn thực phẩm [20, tr. 5].

- Từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương hỗ trợ đầu tư 98 dự án, với tổng kinh phí là 10,065 tỷ đồng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, tạo điều kiện bổ sung thêm nguồn vốn cho doanh nghiệp còn khó khăn để có điều kiện đầu tư phát triển cơ sở như: xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất, chuyển giao công nghệ mới v.v... Kết quả khảo sát gần đây cho thấy hầu hết các cơ sở nhận hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương đều làm ăn phát triển, nguồn vốn sản xuất kinh doanh của các cơ sở đều tăng lên đáng kể; các cơ sở nhận hỗ trợ đầu tư có số vốn tăng bình quân 119% so với trước khi hỗ trợ, sản lượng sản phẩm sản xuất tăng 52,8% (trong đó có một vài cơ sở có mức tăng sản lượng lên đến 150%), doanh thu tăng 114%, lợi nhuận tăng 85,6%, lao động tăng hơn 30%, năm 2011 thu nhập bình quân từ 1,8 triệu đồng/người/ tháng, năm 2015 tăng lên 4,5 triệu đồng/ người/ tháng, tạo việc làm cho hơn 3.959 lao động.

** Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu*

Thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu, để thực hiện Thông tư số 35/2010/TT-BCT ngày 12/11/2010 của Bộ Công Thương Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, Sở Công Thương

đã tổ chức 03 đợt (năm 2011-2015) bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh.

Sở Công Thương chỉ đạo cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp giúp Sở Công Thương tổ chức thành công 04 hội chợ triển lãm cho hơn 450 đơn vị, doanh nghiệp tham gia với 866 gian hàng, kinh phí hỗ trợ hơn 2,35 tỷ đồng; Tổ chức tham gia 29 hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh, vận động hơn 160 lượt cơ sở CNNT tham gia với tổng số tiền hỗ trợ là 742,9 triệu đồng [20, tr. 8].

Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp tiêu biểu đã tôn vinh những sản phẩm có chất lượng, có uy tín, có giá trị, có tiềm năng phát triển, đã đóng góp tích cực cho sự phát triển công nghiệp ở địa phương. Sản phẩm công nghiệp tiêu biểu đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về kinh tế, kỹ thuật, sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước và giải quyết việc làm cho người lao động, bảo vệ môi trường, nhiều sản phẩm được chọn trưng bày, giới thiệu tại các Hội chợ các tỉnh, thành trong cả nước tạo được thị trường mới.

** Chương trình khuyến công về hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin*

Sở Công Thương thường xuyên phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang tuyên truyền về chính sách khuyến công, phổ biến các mô hình làm ăn có hiệu quả, kinh phí thực hiện các năm qua là 665,38 triệu đồng, đạt 139% kế hoạch [20, tr. 8]. Ngoài ra, để mở rộng kênh cung cấp thông tin, Sở Công Thương định kỳ 6 tháng xuất bản “Thông tin Công Thương” giới thiệu về chính sách pháp luật của nhà nước có liên quan đến ngành, tình hình phát triển công nghiệp, thương mại, khuyến công của tỉnh để phổ biến cho các cơ quan, đơn vị trong ngành, cung cấp miễn phí quyền Tạp chí Công nghiệp hàng tháng cho Phòng Kinh tế thành, thị, Phòng kinh tế và Hạ tầng các huyện.

Qua Chương trình khuyến công về hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin đã giúp cho các cơ sở CNNT biết được các chính sách về phát triển công nghiệp, chính sách khuyến công, thông tin về các doanh nghiệp làm ăn hiệu quả, các bài viết phân tích, đánh giá liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để các cơ sở tiếp cận, nhờ hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ về khởi sự doanh nghiệp, lập dự án đầu tư phát triển công

ng nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, đào tạo lao động, hỗ trợ đầu tư, sau đầu tư, ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật.

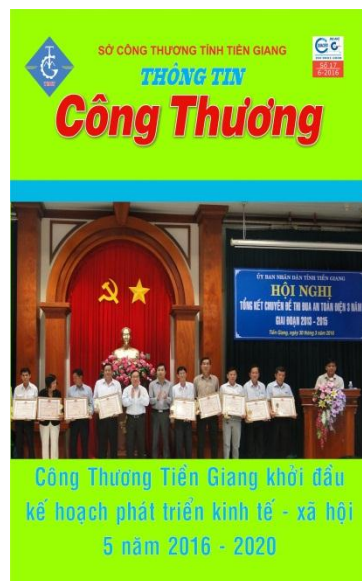
Hình 2.1: Một số hình ảnh hoạt động khuyến công Tiền Giang



Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN Tiền Giang phối hợp Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Chợ Gạo tổ chức lớp dạy nghề đan lục bình tại xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo.



Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN Tiền Giang tổ chức nghiệm thu đề án Xây dựng mô hình trình diễn mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ công nghiệp chế biến tại Công ty TNHH SX TM DV Chín Tạo, xã Bình Đức, huyện Châu Thành.



Bản tin về ngành Công Thương tỉnh do Sở Công Thương Tiền Giang phát hành 02 kỳ/năm.



Sở Công Thương Tiền Giang giới thiệu các sản phẩm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tại Hội chợ triển lãm Lễ Hội dừa tỉnh Bến Tre năm 2014.

2.2. Thực trạng thực hiện quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Nhờ đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt là hệ thống chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mà công nghiệp nông thôn ở Tiền Giang những năm qua đã có những tiến bộ nhanh chóng và ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển KT-XH nông thôn trong tỉnh. Nhưng sự phát triển đó chưa tương xứng với tiềm năng hiện có và còn bộc lộ nhiều nhược điểm, yếu kém. Để xác định được phương hướng và giải pháp khả thi nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn ở Tiền Giang trong thời gian tới, nhất thiết phải có những đánh giá đúng về thực trạng quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hiện nay.

2.2.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản về khuyến công

Pháp luật là chủ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân. Đảng ta yêu cầu: “Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm xây dựng pháp luật, từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật. Đồng thời, coi xây dựng hệ thống pháp luật là một trong những nhiệm vụ thể hiện và kiểm chứng năng lực quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước” [17, tr. 9].

Xác định tầm quan trọng của việc quản lý nhà nước về khuyến công bằng pháp luật, Sở Công Thương rất chú trọng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác xây dựng pháp luật nhất là hoạt động vận dụng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Việc vận dụng văn bản của cơ quan cấp trên được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, bước đầu đã mang lại những hiệu quả nhất định như văn bản cấp trên được áp dụng đúng tinh thần, kịp thời, dần dần đi vào cuộc sống giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh hiểu được đường lối, chủ trương, chính sách và sự quan tâm của Nhà nước ta, tạo niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng cho sự nghiệp phát triển KT-XH nói chung và phát triển CN-TTCN nói riêng.

Việc áp dụng văn bản pháp luật về công tác khuyến công của Sở Công Thương Tiền Giang ngày càng được hoàn thiện và chất lượng nâng lên rõ rệt đã thể

hiện được vai trò là một chủ thể thực thi các quy định của pháp luật về khuyến công tại địa phương như tất cả các văn bản pháp luật về khuyến công đều được tiếp cận và áp dụng trong thực thi nhiệm vụ, đạt được những kỹ năng cơ bản về việc cập nhật và áp dụng các văn bản pháp luật vào trong công việc thường xuyên của mình.

Việc vận dụng văn bản pháp luật trong quá trình xử lý những tình huống công việc, Sở Công Thương đã định hướng những chủ trương, quy định, văn bản có liên quan về lĩnh vực khuyến công được dẫn chiếu trong báo cáo đề xuất xử lý của mình. Để có các văn bản liên quan dẫn chiếu cơ quan thực hiện quản lý khuyến công đã hệ thống các văn bản nhất định trên cơ sở am hiểu pháp luật, tuân thủ những nguyên tắc và yêu cầu sau đây:

+ *Nguyên tắc thường xuyên*: Cơ quan quản lý khuyến công chủ động cập nhật văn bản pháp luật, tập hợp những văn bản đã có theo một trình tự, loại bỏ được những quy định lỗi thời, mâu thuẫn hoặc đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời những bất cập của văn bản (pháp điển hóa văn bản pháp luật).

+ *Nguyên tắc kịp thời*: với yêu cầu quản lý nhà nước ngày càng cao như hiện nay thì nguyên tắc kịp thời phải càng được nâng lên, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng tốt nguyên tắc đã giúp cho cơ quan quản lý khuyến công có được nguồn văn bản tin cậy, kịp thời đề xuất chính xác, hiệu quả các tình huống công việc, tránh tình trạng áp dụng các văn bản đã bị bãi bỏ, lỗi thời hoặc lúng túng trong việc áp dụng văn bản pháp luật.

+ *Nguyên tắc đồng bộ*: Nguyên tắc này sẽ hệ thống hóa được các văn bản của các cấp có thẩm quyền ban hành một cách đầy đủ. Ví dụ: cập nhật Nghị định hướng dẫn, Thông tư hướng dẫn Nghị định và các văn bản hướng dẫn dưới luật có liên quan...

Ngoài ra, trong quá trình vận dụng các văn bản của cấp trên, Sở Công Thương luôn linh hoạt vận dụng vào trường hợp cụ thể tại địa phương của mình. Đồng thời, trước khi giải quyết vấn đề Sở Công Thương đi phân tích để xác định đúng đắn bản chất của sự việc, nội dung được giao, lựa chọn văn bản áp dụng, trên cơ sở đó mới ra quyết định.

Nhờ tuân thủ đúng các quy định về áp dụng văn bản của cấp trên mà trong thời gian qua Sở Công Thương đã đảm bảo vận dụng chính xác và đúng các quy định của cấp trên, mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý. Kịp thời vận dụng các văn bản cấp trên trong giải quyết các vấn đề về khuyến công, nhờ vậy mà công tác khuyến công được thực hiện thuận lợi và đảm bảo ổn định phát triển kinh tế nông thôn.

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Tiền Giang đã được Chính phủ phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tiền Giang qua các giai đoạn; Ngày 21/5/2012 Chính phủ ban hành Nghị định 45/2012/NĐ-CP về khuyến công và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2012, thay thế Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Để thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương, Sở Công Thương đã tham mưu soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành các văn bản như:

- + Quyết định 3816/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 Ban hành Chương trình khuyến công tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016-2020;

- + Quyết định 1065/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang thay thế Quyết định 1349/QĐ-UBND ngày 20/4/2009 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang;

- + Quyết định số 17/20016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang thay thế Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Nhìn chung công tác triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh tương đối đầy đủ và kịp thời, nên hoạt động khuyến công của tỉnh trong thời gian qua đã từng bước đi vào nề nếp, góp phần tạo nhiều chuyển biến tích cực trong công tác quản lý khuyến công tỉnh. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy các cơ quan chức năng của tỉnh vẫn chưa chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công. Qua kiểm tra, giám sát, vẫn còn trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn chưa nắm rõ điều kiện được hưởng chính sách khuyến công do những yếu kém trên.

2.2.2. Xây dựng kế hoạch, đề án thực hiện khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Hàng năm, Sở Công Thương đều xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công cụ thể trên cơ sở Chương trình khuyến công từng giai đoạn đã được phê duyệt. Sở Công Thương giao các đề án khuyến công đã được duyệt cho Trung tâm Khuyến công thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương Tiền Giang.

2.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và bố trí nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công trên địa bàn tỉnh

Công tác khuyến công có đạt được mục tiêu, hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào hoạt động của bộ máy QLNN đối với khuyến công.

Cơ quan Trung ương trực tiếp quản lý, chỉ đạo phát triển hoạt động khuyến công là Bộ Công Thương (Cục Công nghiệp địa phương). Ở địa phương, để thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, hệ thống cơ quan nhà nước có UBND tỉnh, trong đó có một Phó Chủ tịch phụ trách khối sản xuất được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền giải quyết các lĩnh vực được phân công của Sở Công Thương và các cơ quan trợ giúp.

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng giúp UBND tỉnh QLNN về công nghiệp, trong đó có hoạt động khuyến công. Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Công Thương Tiền Giang quy định nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Sở Công Thương Tiền Giang liên quan đến hoạt động khuyến công như sau:

- Chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với hoạt động khuyến công.

- Triển khai chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tại địa phương.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đề án khuyến công tại địa phương; đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan; kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát việc thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh [24].

Ngoài ra để phục vụ QLNN của Sở Công Thương về hoạt động khuyến công, Sở Công Thương đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định 1065/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, Trung tâm Khuyến công gồm có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc và 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ. Về trình độ: Thạc sĩ: 01, Đại học: 17. Cho đến nay, hệ thống khuyến công tỉnh Tiền Giang mới chỉ được thành lập ở cấp tỉnh, hiện vẫn chưa thành lập hệ thống khuyến công cấp huyện, xã. Mọi hoạt động khuyến công đều do Trung tâm Khuyến công phụ trách thực hiện.

2.2.4. Bố trí và thu hút nguồn kinh phí phục vụ khuyến công

Hàng năm Sở Công Thương Tiền Giang chỉ đạo Trung tâm Khuyến công khảo sát các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, lập đề án khuyến công quốc gia trình Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí từ nguồn kinh phí

khuyến công quốc gia và trình UBND tỉnh phê duyệt từ nguồn kinh phí địa phương để hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư phát triển sản xuất. Từ năm 2011- tháng 6/2016, tỉnh Tiền Giang đã thu hút được tổng kinh phí phục vụ hoạt động khuyến công là 22,7995 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ nguồn khuyến công quốc gia là 9,87 tỷ đồng, kinh phí từ nguồn khuyến công địa phương là 12,9295 tỷ đồng.

2.2.5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công

Đảm bảo các quy định của pháp luật về công tác khuyến công được thực thi, bên cạnh công tác tổ chức, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công, công tác kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công trở thành công việc then chốt, trọng tâm.

**** Về công tác kiểm tra, thanh tra***

Để đánh giá kết quả chấp hành pháp luật trong công tác quản lý khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Thanh tra tỉnh, Kiểm toán Nhà nước khu vực 9 theo quy định của Luật Thanh tra 56/2010/QH12; Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015; Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác khuyến công và kiểm toán chuyên đề về khuyến công theo định kỳ.

Ngoài ra theo chức năng và nhiệm vụ được giao, theo quy định tại Nghị định 07/2012/NĐ-CP Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành; Nghị định số 127/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương và Quyết định số 54/QĐ-SCT ngày 04/4/2016 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức biên chế của Thanh tra Sở, Thanh tra Sở xây dựng kế hoạch về thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo hàng năm; trong đó có nội dung thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động về khuyến công như: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng... tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng quy định của pháp luật trong công tác kiểm tra, thanh tra.

** Về công tác tiếp công dân, giải quyết hoặc đề xuất giải quyết khiếu nại, tố cáo*

Hàng năm, Sở Công Thương Tiền Giang xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế Tiếp công dân:

- Công chức được phân công thực hiện tiếp dân thường xuyên vào các ngày làm việc trong tuần, kết quả tiếp trong kỳ báo cáo là 01 lượt, 01 người, 01 vụ việc mới.

- Lãnh đạo Sở thực hiện tiếp công dân vào mỗi buổi chiều thứ 6 hàng tuần và đột xuất khi có yêu cầu khẩn thiết của công dân. Số buổi tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo Sở trong kỳ báo cáo là 48 buổi.

- Trụ sở tiếp công dân của Sở Công Thương được bố trí tại cơ quan Sở, phân công cán bộ tiếp công dân thường xuyên để tiếp nhận đơn thư hoặc ý kiến trình bày của công dân về khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo; lãnh đạo Sở tiếp công dân vào mỗi chiều thứ sáu trong tuần. Tại phòng tiếp công dân có trang bị bàn, ghế, tủ sách pháp luật để phục vụ công tác tiếp công dân...

- Đặt hộp thư góp ý ở nơi thuận lợi để tổ chức, công dân dễ thấy và dễ tiếp nhận những thông tin, đơn thư của công dân gửi đến cơ quan.

Lãnh đạo Sở quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thanh tra tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công việc được phân công. Trong kỳ đã cử 01 công chức tham dự lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, 01 công chức tham dự học lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị Tiền Giang, 02 công chức tham dự lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành do Bộ Công Thương tổ chức, 02 công chức tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tiếp công dân.

Bên cạnh đó thực hiện tốt công tác tiếp công dân; xử lý, kiến nghị giải quyết kịp thời các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hoặc hướng dẫn tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; không để tồn đọng

các đơn thư khiếu nại, tố cáo nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp diễn ra.

** Về công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công*

Thời gian qua Giám đốc Sở Công Thương luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi cho Thanh tra Sở hoàn thành công tác thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch đề ra. Sự chủ động của Thanh tra Sở về xây dựng Kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện đúng thời gian, sát nội dung thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật; đề xuất kiểm tra và xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm nên không có trường hợp vi phạm về công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh [19, tr. 6].

Ngoài ra, Thanh tra Sở còn chủ động tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan về phòng, chống tham nhũng; về khiếu nại, tố cáo đến công chức, viên chức thông hiểu thông qua các buổi triển khai chuyên đề, các cuộc sinh hoạt của cơ quan: tổ chức 04 cuộc tuyên truyền cho viên chức, công chức ngành Công Thương tham dự, gồm: Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; Kế hoạch về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm của Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang; Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTCP-BNV ngày 16/3/2015 của Thanh tra Chính phủ, Bộ Nội vụ quy định khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo hành vi tham nhũng ...

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

2.3.1.1. Kết quả đạt được

- Hoạt động khuyến công trong những năm qua được triển khai thực hiện dựa trên chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy hoạch KT-XH, quy hoạch phát triển ngành, các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện của

tỉnh. Qua đó, bộ mặt nông thôn đã từng bước thay đổi, tình hình phát triển KT-XH có nhiều chuyển biến tích cực, sản xuất phát triển. Giá trị sản xuất CN-TTCN trên địa bàn tỉnh Tiền Giang tăng dần qua từng năm. Sản phẩm sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Lao động nông thôn có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Các mục tiêu của Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2011-2015 từng bước thực hiện đã động viên và huy động các nguồn lực vào đầu tư phát triển công nghiệp; mang lại hiệu quả KT-XH đáng kể, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn; góp phần hoàn thành những mục tiêu của Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 tại Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 và Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2015 tại Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 09/10/2008.

- Mặc dù mới được triển khai trong thời gian ngắn nhưng kết quả bước đầu cho thấy các chỉ tiêu của Chương trình khuyến công tỉnh Tiền Giang đến năm 2015 đã được thực hiện khá tốt, gồm: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất CN-TTCN luôn cao hơn mức tăng trưởng của giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến và chế tạo là ngành chủ chốt của tỉnh với tỷ trọng luôn tăng từ 98,4% đến năm 2015 là 99,3%; Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng đều qua các năm từ 570,76 triệu USD năm 2010 tăng lên 1,76 tỷ USD năm 2015 (đạt kế hoạch đề ra là 1,04-1,14 tỷ USD); Bình quân 05 năm tăng 25,2%/năm, vượt khá cao mục tiêu Nghị quyết đề ra (16-18%) [25, tr. 21].

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn đã nhận được sự hỗ trợ từ chương trình khuyến công trong việc nâng cao năng lực quản lý, đào tạo tay nghề cho công nhân, đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến... dần hoạt động ổn định và bước đầu cung cấp sản phẩm hàng hóa có chất lượng, đảm bảo, từng bước nâng cao giá trị sản xuất. Các làng nghề được khôi phục, duy trì và phát triển, góp phần củng cố, tăng cường, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống quý báu, đặc trưng của địa phương.

2.3.1.2. Nguyên nhân đạt được những kết quả trên

- Trong thời gian qua, công tác quản lý, điều hành của Bộ Công Thương, Cục Công nghiệp địa phương và UBND tỉnh Tiền Giang đã hết sức quan tâm, khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đầu tư sản xuất, phát triển CN-TTCN thông qua các cơ chế, chính sách được cụ thể hóa.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh đã từng bước được hoàn thiện, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tế. Công tác QLNN về hoạt động khuyến công ngày càng được tăng cường và dần đi vào nề nếp.

- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý khuyến công được thiết lập, củng cố, dần ổn định và bước đầu hoạt động khá hiệu quả.

- Nhận thức của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, của cộng đồng doanh nghiệp về vị trí, vai trò hoạt động khuyến công từng bước được nâng cao.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Những hạn chế của quản lý nhà nước về khuyến công

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác QLNN về hoạt động khuyến công tỉnh Tiền Giang thời gian qua còn một số mặt hạn chế, tồn tại như sau:

- Việc thực hiện các chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP như: chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách khoa học công nghệ chưa đạt hiệu quả do các chính sách này đã có cơ chế và kênh tổ chức thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật khác, tạo nên sự chồng chéo.

- Việc đăng ký kế hoạch, thẩm định xét giao kế hoạch các đề án khuyến công vẫn còn khá nhiều khó khăn lúng túng và tốn kém nhiều thời gian. Quy mô của các đề án khuyến công còn nhỏ, chưa có nhiều đề án khuyến công có sức lan tỏa lớn, có vai trò quan trọng cho phát triển CN-TTCN trên địa bàn tỉnh.

- Năng lực triển khai thực hiện đề án khuyến công ở một số huyện trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc triển khai một số nội dung hoạt động khuyến công theo 07 chương trình tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 còn chậm, chưa đồng đều giữa các nội dung hoạt động.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án khuyến công chưa được thực hiện thường xuyên. Công tác thống kê, báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện các đề án và hoạt động khuyến công chưa được thực hiện nghiêm túc theo quy định, chất lượng các báo cáo chưa cao.

2.3.2.2. Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế của quản lý nhà nước về khuyến công

Những hạn chế, tồn tại trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Việc xây dựng, ban hành hoặc bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công của địa phương còn chậm. Các cơ chế, chính sách khi được xây dựng chưa thật sự dựa trên cơ sở khoa học và thiếu những thông tin cần thiết. Thủ tục hỗ trợ các chương trình, đề án khuyến công còn nhiều phức tạp và chưa lường hết được những phát sinh trong thực tế triển khai nên việc ban hành chính sách không kịp thời.

- Bộ máy QLNN về khuyến công chưa được quan tâm đúng mức, hiện chỉ tập trung chú trọng đến cơ quan cấp tỉnh. Đội ngũ cán bộ, viên chức của Trung tâm Khuyến công còn thiếu về số lượng nhất là trong lĩnh vực tư vấn hướng dẫn phát triển CN-TTCN, xây dựng và trực tiếp tổ chức thực hiện đề án khuyến công. Hệ thống cán bộ làm công tác khuyến công tại cấp huyện, xã chưa hình thành nên việc khai thác, triển khai các đề án khuyến công còn khó khăn.

- Việc phân cấp và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh chưa nghiêm túc, nhất là việc thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công, dẫn đến việc gửi đăng ký kế hoạch một số đề án không đúng nội dung, không đúng đối tượng, dự toán không đúng quy định.

- Cơ chế cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí khuyến công còn phức tạp. Định mức hỗ trợ kinh phí khuyến công ở một số nội dung còn thấp, thiếu hấp dẫn.

- Công tác thông tin tuyên truyền về chính sách khuyến công và các hoạt động khuyến công còn hạn chế, chưa đa dạng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, chính quyền và các ban ngành địa phương về hoạt động khuyến công còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Nhiều đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công chưa tiếp

cận được thông tin và chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển CN-TTCN.

- Các cấp ủy Đảng và chính quyền chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm, thiếu sự giám sát và biện pháp thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân chưa rõ ràng. Việc chỉ đạo, điều hành thiếu linh hoạt, còn nặng về thủ tục hành chính.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho Trung tâm Khuyến công chưa tương xứng và phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao. Trung tâm mới chỉ có trụ sở làm việc cho bộ máy cơ quan, chưa có các cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, gây khó khăn cho quá trình trực tiếp triển khai thực hiện các hoạt động theo nhiệm vụ.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 trình bày tổng quan các yếu tố tác động đến hoạt động khuyến công ở tỉnh Tiền Giang, tình hình hoạt động khuyến công và thực trạng QLNN về khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Qua phân tích, đánh giá các dữ liệu thực tế cho thấy công tác QLNN đối với khuyến công ở Tiền Giang thời gian qua đã đạt được những thành công nhất định như: góp phần vào phát triển CN-TTCN, tăng giá trị sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động... Tuy nhiên, công tác này vẫn chưa phát huy và khai thác có hiệu quả các lợi thế nguồn lực sẵn có phục vụ công nghiệp phát triển. Nguyên nhân là do: công tác QLNN về khuyến công còn nhiều bất cập về khung pháp lý, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý công tác khuyến công... làm hạn chế tốc độ phát triển công nghiệp. Các bất cập này cần sớm khắc phục bằng những giải pháp cụ thể để QLNN về khuyến công phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tạo bước đột phá trong phát triển công nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung ở Tiền Giang.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN CÔNG

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, yêu cầu đặt ra cho hoạt động khuyến công trong thời gian tới là hướng vào việc tham gia thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong hoạt động của giai đoạn trước, tập trung trọng tâm, trọng điểm để đẩy nhanh nhịp độ phát triển công nghiệp. Vì vậy, việc tăng cường QLNN về khuyến công có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần tích cực và chủ động trong phát triển công nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

3.1. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công

3.1.1. Gắn hoạt động khuyến công với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế – xã hội

Có thể nói việc ổn định phát triển kinh tế vĩ mô là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đối với các chính sách của Nhà nước trong việc quản lý khuyến công. Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020. Trong đó chú trọng các chỉ tiêu:

**** Mục tiêu tổng quát***

- Huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới;

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cá

nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

** Mục tiêu cụ thể*

- Đào tạo được khoảng 100.000 lao động cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ khoảng 10.000 lượt học viên tham gia các khóa đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, hội nghị, hội thảo chuyên đề; hỗ trợ xây dựng 160 mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị và chuyển giao công nghệ cho 600 cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 1.400 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước và ngoài nước; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và hệ thống xử lý nước thải chung 120 cụm công nghiệp [5].

- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp trên toàn quốc. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động phát triển công nghiệp.

Từ các mục tiêu đạt được, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2016-2020:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5-7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200-3.500 USD; tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP trên 85%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng 32-34% GDP. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38-40%.

- Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 6-7%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 65-70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25% [14].

3.1.2. Gắn hoạt động khuyến công với việc thực hiện chủ trương hiện đại hóa, công nghiệp hóa

Căn cứ kết quả đã đạt được của hoạt động khuyến công trong giai đoạn vừa qua và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chủ trương CNH-HĐH trong thời gian tới, hoạt động khuyến công cần tập trung vào một số định hướng sau:

Một là, các hoạt động khuyến công phải bám sát quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp của toàn quốc, của vùng và của từng địa phương giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hai là, hoạt động khuyến công phải góp phần phát huy tốt nhất lợi thế so sánh và khai thác thế mạnh về các nguồn lực sẵn có về tài nguyên, nguồn nguyên liệu, về thị trường và lao động tại mỗi vùng, mỗi địa phương để thúc đẩy phát triển CNNT. Phân đầu mỗi vùng, mỗi địa phương đều có những ngành, những sản phẩm tiêu biểu, có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Quyết định số 1288/QĐ-TTg về Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 và Chương trình khuyến công địa phương đã được phê duyệt. Thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ cả 09 chương trình nội dung hoạt động khuyến công theo Quyết định 1288/QĐ-TTg. Trong đó, chú trọng 04 chương trình là: chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; chương trình phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu; chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề; chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp.

Bốn là, trên cơ sở các ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định cần xây dựng các chương trình, đề án khuyến công theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo bước chuyển rõ rệt cho sự phát triển của ngành. Ngoài các hoạt động khuyến công theo đề án có hỗ trợ tài chính, cần tăng cường các hoạt động tư vấn khuyến công, hỗ trợ phi tài chính cho các cơ sở CNNT.

Năm là, tăng cường liên kết giữa các tỉnh, thành phố và liên kết giữa các khu vực để trao đổi kinh nghiệm trong phát triển ngành nói chung và hoạt động khuyến công nói riêng, vừa phát huy được thế mạnh của mỗi địa phương, đồng thời khai thác hiệu quả nhất tiềm năng lợi thế của cả vùng.

Sáu là, đẩy mạnh hoạt động khuyến công, thúc đẩy phát triển CNNT cần quán triệt chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước là phát triển nhanh và bền vững; gắn các hoạt động khuyến khích phát triển CNNT theo hướng bền vững với giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới.

3.1.3. Hoạt động khuyến công phải phục vụ thiết thực sự phát triển của nông nghiệp và các ngành kinh tế khác

Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp nông thôn, là công cụ để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Các Chính sách cần tập trung vào các mặt:

Một là, tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn với nguyên tắc cơ bản là gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, phát huy thế mạnh từng vùng và bảo vệ môi trường.

Hai là, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về kinh phí cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hỗ trợ để tăng cường khả năng tiếp cận của các cơ sở đến nguồn kinh phí ưu đãi.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Bên cạnh đó, cần khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tại làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về ngành nghề nông thôn, thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận, bảo tồn làng nghề truyền thống.

Năm là, đẩy mạnh các chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề theo hướng hài hòa giữa giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước là một trong những điều kiện cơ bản và quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp nông thôn nước ta. Trong thời gian qua, có khá nhiều thay đổi nhưng nhìn chung những thay đổi đó chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra, với góc độ QLNN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về khuyến công

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là công cụ đắc lực trong công tác QLNN về hoạt động khuyến công. Trong thời gian qua, việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về khuyến công đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Hiệu quả hoạt động khuyến công ngày càng được khẳng định, góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, nâng cao mức sống của người dân. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống văn bản pháp luật về khuyến công vẫn chưa đầy đủ, tồn tại những hạn chế nhất định, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác QLNN về khuyến công. Để khắc phục yếu kém này, trong thời gian tới cần phải:

- Rà soát và mạnh dạn loại bỏ những văn bản lỗi thời, giảm bớt những thủ tục hành chính rườm rà gây khó khăn.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn, ban hành và chỉnh sửa các văn bản, quy định
- Bổ sung các quy định và hướng dẫn cụ thể để hỗ trợ cho việc triển khai hoạt động khuyến công trong thực tế.

Theo đó, cần xem xét bổ sung hoặc ban hành mới một số văn bản quy phạm pháp luật của địa phương về khuyến công với các vấn đề sau:

- Quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi cấp tỉnh.
- Quy định bình chọn xét thưởng sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu cấp tỉnh.

- Quy chế phối hợp trong quá trình thực hiện quản lý về khuyến công của các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định phê duyệt Chương trình khuyến công của UBND tỉnh đã ban hành.

- Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu gắn với các cơ sở sản xuất CN-TTCN.

3.2.2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về khuyến công

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về khuyến công phát triển hiệu quả trong thời gian tới, Bộ Công Thương đã trình và được Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020, trong đó xác định chương trình khuyến công tập trung triển khai, động viên và huy động các nguồn lực để tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất CN-TTCN và các dịch vụ khuyến công. Công tác này được triển khai theo giải pháp sau:

- Tập trung hỗ trợ đầu tư mạnh một số dự án có lợi thế cạnh tranh, điển hình, nhằm tạo bước chuyển biến rõ rệt cho sự phát triển của ngành. Khuyến khích và hỗ trợ các dự án đầu tư vào khoa học, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên vật liệu, góp phần giảm thiểu phát thải, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người và bảo đảm phát triển bền vững.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ điều hành và quản lý cho các doanh nghiệp, các làng nghề trên địa bàn tỉnh thông qua các hoạt động bồi dưỡng kiến thức cho các doanh nghiệp; ứng dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ ứng dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến và nhân rộng mô hình; đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển nghề mới; giới thiệu, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu nhằm đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể phát triển bền vững trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư thực hiện việc nâng cao chất lượng, hạ giá thành và đa dạng hóa sản phẩm, thu hút ngày càng

nhiều lao động nông nghiệp sang công nghiệp nhằm tạo tiền đề cho việc tăng năng suất lao động và thu nhập trong nông thôn. Phần đầu có bước chuyển biến mạnh trong việc nâng cao trình độ công nghệ, trang thiết bị ở các làng nghề, trên cơ sở phát triển sản xuất CN-TTCN phải xét đến các yếu tố phát triển bền vững, các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, làng nghề để giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo, nhằm góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH-HĐH nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần phân công lại lao động xã hội.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất CN-TTCN thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết sản xuất may công nghiệp, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống gắn với các doanh nghiệp phục vụ du lịch.

3.2.3. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước và bố trí đủ nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công

Phát triển công nghiệp nông thôn không phải là sự phát triển chỉ nhằm vào các mục tiêu kinh tế mà còn phải nhằm vào các mục tiêu xã hội. Đặc biệt đối với nước ta, sự phát triển đó là để thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy kinh tế, xã hội nông thôn phát triển toàn diện. Hơn nữa, phát triển công nghiệp nông thôn đòi hỏi phải có sự trợ giúp nhiều mặt từ phía Nhà nước. Do đó, tất yếu phải có sự quản lý của Nhà nước đối với phát triển công nghiệp nông thôn nói chung và quản lý của Nhà nước đối với khuyến công nói riêng.

Từ khi Nghị định khuyến công được ban hành, hệ thống cơ quan QLNN về hoạt động khuyến công từ Trung ương đến địa phương và ở các Bộ, ngành đã hình thành và phát triển, bước đầu thực hiện tốt việc triển khai công tác khuyến công. Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra hiện nay, đa số hệ thống tổ chức quản lý khuyến công trên địa bàn các tỉnh còn mỏng; bộ máy cấp huyện, xã vẫn chưa được

hình thành; đội ngũ cán bộ quản lý về khuyến công còn yếu về chất lượng và thiếu về số lượng. Chính vì vậy, trong thời gian tới, để công tác quản lý đạt hiệu quả, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nghiên cứu, củng cố và tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy QLNN về khuyến công

- Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn CNH-HĐH, việc nghiên cứu nâng cấp hệ thống cơ quan quản lý về khuyến công; tăng cường về chất lượng và số lượng đội ngũ làm công tác quản lý khuyến công là hết sức cần thiết. Căn cứ tình hình thực tế phát triển CN-TTCN và việc thực hiện công tác khuyến công, các tỉnh cần tăng cường cán bộ cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng ở cấp huyện, xã. Bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý về khuyến công ở các cấp này. Đồng thời mạnh dạn trao thêm quyền và tăng thêm trách nhiệm pháp lý cho bộ máy QLNN về khuyến công cấp huyện, xã để phát huy vai trò khuyến công cấp cơ sở, giúp giảm tải cho đơn vị chức năng thuộc tỉnh mà vẫn đảm bảo thực hiện có hiệu quả chức năng giám sát, kiểm tra hoạt động khuyến công.

- Việc củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy QLNN về khuyến công phải gắn liền với thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức có đủ năng lực, trình độ để tổ chức thực hiện mục tiêu khuyến khích phát triển CN-TTCN trên địa bàn tỉnh.

- Thiết thực và hiệu quả còn là sự cân đối và quan tâm không chỉ đội ngũ làm công tác QLNN về khuyến công ở cấp tỉnh mà phải đảm bảo cho bộ phận làm công tác này ở cấp huyện, xã, bởi vì đây là lực lượng gần dân nhất, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của dân, có điều kiện thực hiện tốt nhất nhiệm vụ QLNN trên lĩnh vực được phân công.

Thứ hai, để hiệu quả hoạt động của Sở Công Thương ngày càng được nâng cao, thúc đẩy quá trình phát triển công nghiệp ở nông thôn, Sở cần thành lập thêm các trung tâm: Trung tâm phân tích dữ liệu, Trung tâm môi trường, Trung tâm hỗ trợ phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp.

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp công nghiệp hiện nay đang rất khát thông tin trên nhiều mặt: nhu cầu thị trường, giá cả, công nghệ, khoa học... để biết hướng tổ chức sản xuất. Trong khi công tác dự báo của tỉnh về các lĩnh vực chưa sâu sát, chưa bám sát thực tế. Vì vậy, cần thiết thành lập Trung tâm phân tích dữ liệu. Trung tâm này có chức năng thu thập, phân tích, cung cấp dữ liệu của ngành công nghiệp nói riêng và các dữ liệu liên quan cần thiết phục vụ cho yêu cầu phát triển CN-TTCN. Kịp thời đưa ra những dự báo về biến động của thị trường, nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh... để các cơ quan chủ quản và các doanh nghiệp công nghiệp có giải pháp xử lý, ứng phó kịp thời, tránh được những thiệt hại đáng tiếc có thể xảy ra.

- Thời gian qua, nhờ hoạt động khuyến công, CN-TTCN đã đạt tốc độ tăng trưởng khá. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của các làng nghề, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, vấn đề ô nhiễm môi trường cũng ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề bức xúc. Trung tâm môi trường thuộc Sở Công Thương được thành lập sẽ góp phần giải quyết các vấn đề tồn tại trên. Trung tâm này có chức năng nghiên cứu, ứng dụng, triển khai các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực xử lý môi trường, kiểm soát nguồn ô nhiễm, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường, khắc phục sự cố, chuyển giao công nghệ... phục vụ cho ngành công nghiệp địa phương. Tổ chức đăng ký, xác nhận và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất CN-TTCN.

Hiện nay, tuy các làng nghề, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đang được bảo tồn, nhân rộng và phát triển mới nhưng vẫn gặp phải nhiều vướng mắc như chưa có quy hoạch hoàn chỉnh, còn phát triển một cách tự phát, cạnh tranh thiếu lành mạnh, khó mở rộng thị trường do chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc đầu tư kinh phí khảo sát, thăm dò thị trường và tiếp thị sản phẩm, công tác thông tin dự báo thị trường trong và ngoài nước còn nhiều hạn chế khiến các làng nghề, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị động, lúng túng. Thời gian gần đây Chính phủ có chủ trương hỗ trợ lãi suất vốn vay nhằm kích cầu thị trường, nhưng thủ tục vay phức tạp, khó khăn, hầu hết cơ sở chưa tiếp cận được nguồn vốn này...

Để tháo gỡ những vướng mắc trên, Trung tâm hỗ trợ phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp cần thiết được thành lập. Trung tâm này sẽ tham mưu Sở Công Thương, UBND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng làng nghề, cụm, điểm công nghiệp; quy hoạch, khai thác nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất; nghiên cứu thị trường... để các DN NVV ở làng nghề, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp có thể yên tâm đầu tư sản xuất.

Thứ ba, công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về khuyến công.

Một quốc gia muốn phát triển tốt cần có đủ các nguồn lực như: tài nguyên thiên nhiên, vốn, khoa học - công nghệ, con người... Trong đó con người là một trong những nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, hoạt động khuyến công đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Để xây dựng đội ngũ quản lý nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khuyến công thì không chỉ chú trọng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ mà còn phải tăng cường vai trò, năng lực quản lý. Vì vậy, cần chú trọng thực hiện một số công tác sau:

Một là, tích cực đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ của cán bộ, công chức. Chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề rất quan trọng, nó quyết định chất lượng công tác khuyến công. Vì vậy, cần củng cố, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý về khuyến công ở địa phương. Đặc biệt chú ý tăng cường năng lực cho đội ngũ này về mặt giao tiếp, truyền đạt để có hiệu quả tốt nhất khi làm việc với người dân.

Tiến hành rà soát và đánh giá lại trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức tham gia quản lý nhà nước về khuyến công theo nhiều tiêu chí khác nhau. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích thực trạng trình độ, năng lực của đội ngũ này, các ngành,

các cấp chức năng đưa ra những giải pháp phù hợp, tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại theo từng loại chức danh, công việc cụ thể.

Đổi mới nội dung chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng, trong đó chú trọng bồi dưỡng kỹ năng hành chính, kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức theo chức trách, nhiệm vụ đang đảm nhận. Đào tạo trình độ tin học cho cán bộ, công chức để ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý trước khi bổ nhiệm. Chương trình và nội dung đào tạo cần được thiết kế cụ thể, phù hợp với mỗi loại cán bộ công chức. Nội dung đào tạo tránh nặng về lý thuyết, quan điểm đường lối mà cần chú trọng dung lượng kiến thức về nghiệp vụ hành chính và hoạt động quản lý thực thi công việc hàng ngày.

Thường xuyên tổ chức học tập, nghiên cứu Luật Cán bộ công chức, gắn liền với nghiên cứu, quán triệt quy chế hoạt động, làm việc của cơ quan cho cán bộ, công chức nhằm nâng cao sự nhận thức, ý thức về phạm vi trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của mỗi cán bộ, công chức trong xử lý công việc.

Hai là, đổi mới quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức. Cần xác định cơ cấu cán bộ, công chức một cách hợp lý gắn với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan tham gia quản lý nhà nước về khuyến công, làm cơ sở đào tạo cho việc định biên và xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác định biên phải được tiến hành trên cơ sở khoa học và đi đôi với công tác tinh giản biên chế. Việc hoàn thiện chế độ tuyển dụng cán bộ, công chức phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch. Khi tuyển dụng nhân sự thì phải công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức thi tuyển với những cách thức khác nhau để chọn đúng người đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho vị trí cần tuyển.

Ba là, thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức. Việc điều động, luân chuyển cán bộ công chức cần thực hiện một cách nghiêm túc, phải căn cứ vào yêu cầu công tác và quy hoạch cán bộ, công chức, tạo sự đồng bộ về đội ngũ, đảm bảo sự kế tục, khắc phục tình trạng cục bộ, bè phái. Phải thường xuyên đánh giá kết quả, tìm

nguyên nhân, kịp thời khắc phục những khiếm khuyết trong việc thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến công để công tác luân chuyển cán bộ đạt chất lượng.

Bốn là, có chính sách thu hút, đãi ngộ thỏa đáng những cán bộ, công chức có trình độ, phẩm chất, năng lực trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khuyến công, tạo động lực để họ tận tâm với công vụ, tạo điều kiện tăng thêm thu nhập để trang trải cho các nhu cầu thiết yếu của đời sống. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút nhân tài. Cải thiện điều kiện, môi trường làm việc và tạo cơ hội phát triển cho cán bộ khuyến công trẻ.

3.2.4. Tăng cường đầu tư và bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho khuyến công

Để bảo đảm kinh phí hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công một cách hiệu quả nhất. Nhà nước cần một số giải pháp tăng cường đầu tư và bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho khuyến công:

**** Cấp Trung ương:***

Bộ Công Thương cần phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung cơ chế chính sách về hỗ trợ kinh phí khuyến công để phù hợp với tình hình KT-XH trong nước hiện nay. Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện Chương trình một cách hiệu quả nhất. Đối với những đề án khuyến công quốc gia về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong thời gian tới, Bộ Công Thương nên tăng kinh phí cho các đề án này, hỗ trợ tiền cho học viên trong thời gian tham gia học. Vì học viên là những lao động chưa có việc hoặc có việc làm chưa ổn định, nếu không có tiền hỗ trợ sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của đề án. Thay đổi một số mức chi đặc thù cho phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay kinh phí hỗ trợ một số nội dung là quá ít.

**** Cấp địa phương:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh như xây dựng hệ thống đường giao thông đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa; cung cấp điện ổn định phục vụ sản xuất; tạo quỹ đất, xây dựng cơ sở hạ tầng các

khu, cụm CN-TTCN; tăng kinh phí khuyến công địa phương phục vụ cho các hoạt động khuyến công trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả, đạt mục tiêu khuyến công cũng như mục tiêu phát triển công nghiệp đã đề ra; đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực, tăng biên chế của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN tỉnh để tổ chức thực hiện tốt hoạt động khuyến công tại địa phương.

- Sở Công Thương thường xuyên chú trọng và làm tốt công tác xúc tiến thương mại, kêu gọi, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để hỗ trợ nguồn vốn cho hoạt động khuyến công.

3.2.5. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý nhà nước về khuyến công

Để công tác quản lý nhà nước đối với công tác khuyến công đạt hiệu quả, ngoài việc thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp đã nêu, các cấp lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước về công tác khuyến công còn phải tăng cường công tác phối hợp, ban hành các chính sách nhằm thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển cụ thể:

- Phối hợp giữa các cơ quan Trung ương (Bộ Công Thương Bộ Tài Chính Tổng Cục Thuế...) tham mưu Chính phủ và giữa các cơ quan địa phương (Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính...) tham mưu UBND tỉnh có chính sách về giảm hoặc giãn thuế cho các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp, các hộ sản xuất nghề truyền thống của tỉnh.

Trong điều kiện lãi suất cao và cơ hội vay vốn từ ngân hàng bị thu hẹp bởi chính sách thắt chặt tín dụng hiện nay, các cấp lãnh đạo tỉnh cần ban hành các chính sách ưu đãi về thuế như giảm hoặc giãn thuế để giúp các cơ sở sản xuất CN-TTCN vượt qua khó khăn, có cơ hội duy trì và phát triển. Cụ thể, cần sớm ban hành chính sách giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp; chính sách giãn thời gian nộp thuế trong vòng ít nhất 01 năm giúp các doanh nghiệp giảm bớt gánh nặng về lãi suất, có được vốn tái đầu tư sản xuất mở rộng. Trong quá trình thực hiện các chính sách cần xác định trọng tâm, tập trung ưu tiên cho những doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp, các hộ sản xuất nghề truyền thống của tỉnh.

- Phối hợp giữa các cơ quan Trung ương (Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính) tham mưu Chính phủ và giữa các cơ quan địa phương (Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ) tham mưu UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm điện, hạ giá thành sản phẩm.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đổi mới công nghệ đã và đang trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Thực tế cho thấy công nghệ của các cơ sở công nghiệp nông thôn hiện nay còn lạc hậu, ở vào trình độ thấp so với mức trung bình của khu vực và quốc tế. Tình trạng này làm cho khả năng cạnh tranh của nhiều cơ sở giảm đi đáng kể. Một trong những nguyên nhân làm cho các cơ sở không thể đầu tư đổi mới công nghệ là do thiếu vốn và không có khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Trong khi đầu tư đổi mới công nghệ không chỉ đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn mà còn được coi là một trong những hình thức đầu tư có mức độ rủi ro cao, chậm đem lại lợi nhuận nên kém hấp dẫn đối với các cơ sở.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ nguồn vốn để các cơ sở có cơ hội đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến. Theo đó, Nhà nước cần hỗ trợ 100% lãi suất vay theo mức lãi suất của ngân hàng tại thời điểm cho vay đối với các cơ sở vay vốn để đầu tư đổi mới, hoàn thiện hoặc cải tiến thiết bị, công nghệ; mở rộng các phương thức và điều kiện cho vay; miễn, giảm thuế cho các cơ sở đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ trong thời hạn sản xuất thử, cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng thay thế hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu; trích một phần từ nguồn kinh phí Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh để thành lập các quỹ hỗ trợ phát triển công nghệ...

- Phối hợp giữa các cơ quan Trung ương (Cục Công nghiệp địa phương, Cục Xúc tiến Thương mại) tham mưu Bộ Công Thương và giữa các cơ quan địa phương (Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại Du lịch) tham mưu UBND tỉnh có chính sách về xúc tiến thương mại, hỗ trợ các cơ sở sản xuất CN-

TTCN quảng bá hình ảnh, thương hiệu những đặc sản của tỉnh, hỗ trợ chi phí giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài, chi phí tham gia hội chợ quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, khi sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt thì công tác xúc tiến thương mại trở thành đòn bẩy hữu hiệu nhất để giúp các doanh nghiệp tìm được đầu ra cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và mở rộng thị trường. Trong thời gian tới, để hoạt động xúc tiến thương mại đạt hiệu quả, cần có những chính sách thiết thực hơn như: tăng mức hỗ trợ chi phí về thuê gian hàng trong các cuộc hội chợ triển lãm, xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm CN-TTCN; hỗ trợ chi phí giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước; hỗ trợ chi phí tham quan hội chợ quốc tế; thành lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu ngành hàng để thúc đẩy xuất khẩu; thành lập công ty bảo hiểm tín dụng xuất khẩu để bảo hiểm cho trường hợp bán chịu, trả chậm do yêu cầu của khách hàng hoặc sản phẩm khuyến khích xuất khẩu nhưng khó bán... tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN có cơ hội tiếp xúc, học tập kinh nghiệm, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, thương hiệu những đặc sản của tỉnh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ, thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Phối hợp giữa các cơ quan Trung ương (Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính) tham mưu Chính phủ và giữa các cơ quan địa phương (Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính) tham mưu UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ về giá cho nông dân nhằm khuyến khích đầu tư con giống mới, cây trồng mới có năng suất cao, tạo nguồn nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Hiện nay, một số làng nghề có nguy cơ mai một. Bởi vì, nguồn nguyên liệu phục vụ cho các làng nghề không phải lúc nào cũng ổn định, một số làng nghề sau khi được đào tạo tay nghề cho lao động lại không có đủ nguyên liệu để sản xuất. Để giải quyết vấn đề này, cần xúc tiến và sớm hình thành các vùng nguyên liệu tập trung trên cơ sở quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo các vùng chuyên canh đạt hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu cho làng nghề và các cơ sở sản xuất. Theo đó, cần có những chính sách thiết thực nhằm hỗ trợ chi phí

sản xuất giống đối với một số loại giống cần khuyến khích. Hỗ trợ giá giống cho công tác khảo nghiệm sản xuất cây trồng, vật nuôi mới, có giá trị kinh tế cao. Áp dụng chính sách đảm bảo giá sàn trong thu mua sản phẩm cho các hộ nông dân. Ngoài ra, cũng cần tạo điều kiện, hỗ trợ 100% lãi suất hoặc lãi suất ưu đãi tiền vay ngân hàng nhằm khuyến khích nông dân tích cực đưa giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất.

- Ngoài phối hợp ban hành các chính sách cần phối hợp trong công tác thông tin tuyên truyền giữa các cơ quan Trung ương (Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông) và giữa các cơ quan địa phương (Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh), với một số giải pháp sau:

Một là, mở rộng và cải tiến các kênh thông tin tuyên truyền để chuyển tải đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin cần thiết đến các cơ sở công nghiệp nông thôn. Phát triển và cải tiến các kênh truyền thông cộng đồng về công tác khuyến công như: hệ thống báo viết, báo hình, báo nói và báo điện tử.

Hai là, cần đặc biệt chú ý đến hình thức tuyên truyền cho người dân thông qua các phương tiện truyền thông. Trung tâm Khuyến công tỉnh cần thúc đẩy sự tham gia tích cực của các Ban, ngành vào hoạt động truyền thông, cập nhật thông tin một cách đa dạng, nhiều chiều, khách quan và kịp thời nhằm đưa ra những dự báo chính xác phục vụ chương trình phát triển CN-TTCN.

Ba là, thường xuyên tổ chức các hội thi, hội chợ triển lãm, tham quan... cho cán bộ khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn, vừa là hình thức tuyên truyền phổ biến kiến thức, vừa góp phần đổi mới hình thức hoạt động khuyến công thu hút nhiều đối tượng quan tâm.

Bốn là, cập nhật và cung cấp thông tin về thị trường, giá cả và xúc tiến thương mại đến các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là những thông tin về kỹ thuật sản xuất, mà còn cập nhật một cách nhanh chóng, kịp thời các thông tin về giá cả, thị trường để họ biết hướng làm ăn. Đây không phải là điều dễ dàng vì công tác dự báo của tỉnh về các lĩnh vực trên chưa sát thực tế. Cần có bộ

phận chuyên theo dõi những thông tin thị trường, dự báo và cung cấp kịp thời cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

3.2.6. Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về khuyến công

Để đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong giải quyết công việc hành chính tại các cơ quan QLNN đối với các cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn tỉnh, cần thực hiện đổi mới thủ tục hành chính trong QLNN về khuyến công. Qua đó giảm bớt những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết, kéo dài thời gian gây phiền hà cho người dân, góp phần ngăn chặn tệ cửa quyền, tham nhũng của một bộ phận cán bộ, công chức. Để làm tốt vấn đề này nên tập trung vào một số công việc sau:

Một là, UBND tỉnh và Sở Công Thương cần thường xuyên kiểm tra và rà soát các văn bản trong lĩnh vực QLNN về khuyến công để kịp thời loại bỏ những thủ tục rườm rà gây khó khăn cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN. Khi có chủ trương, đường lối đổi mới từ Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội tỉnh Đảng bộ hoặc khi có sự sửa đổi, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương... cần nhanh chóng điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển trên địa bàn tỉnh sao cho phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động khuyến công.

Hai là, Sở Công Thương phải mạnh dạn đề xuất, tham mưu cho Bộ Công Thương và UBND tỉnh hoàn thiện các cơ chế, chính sách về khuyến công như: cơ chế cấp phát và quản lý kinh phí hoạt động, chính sách đất đai, ưu đãi đầu tư, thông tin, thị trường, chính sách khoa học công nghệ... để các cơ chế chính sách này ngày càng thiết thực và đi vào cuộc sống.

Ba là, đẩy mạnh và mở rộng cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực có liên quan đến đầu tư phát triển CN-TTCN. Cần thực hiện mẫu hóa các loại giấy tờ mà các cơ sở, doanh nghiệp cần phải làm khi có nhu cầu giải quyết công việc về đầu tư, thành lập, sản xuất kinh doanh... Khi giải quyết công việc phải theo hướng gọn nhẹ, đơn giản, thuận lợi, nhanh chóng. Những thủ tục, trình tự, lệ phí,

thời gian giải quyết... cần thiết phải niêm yết công khai, đầy đủ tại trụ sở làm việc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý nhằm thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính trong quá trình thực hiện hội nhập kinh tế.

Bốn là, phân định rõ chức năng QLNN của các cơ quan hành chính và quyền tự chủ của các cơ sở, doanh nghiệp thông qua quy chế phối hợp, kiểm tra trong quá trình thực hiện quản lý công tác khuyến công của các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Theo đó, có những điều kiện mà các cơ quan quản lý phải thực hiện kiểm tra và các điều kiện mà cơ sở, doanh nghiệp phải thực hiện và chịu trách nhiệm trước khách hàng cũng như các cơ quan QLNN. Việc kiểm tra này cần thực hiện thường xuyên nhằm hạn chế các vi phạm, tạo cho các cơ sở, doanh nghiệp hình thành ý thức trách nhiệm trong hoạt động sản xuất.

3.2.7. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công

**** Về tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra***

Thanh tra, kiểm tra được coi là một khâu trong chu trình QLNN. Do đó trong các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về khuyến công có giải pháp tăng cường kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công. Để giải pháp này được thực hiện đồng bộ, kịp thời, cần tăng cường phát huy chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo thẩm quyền của các lực lượng chức năng, trong đó có vai trò nòng cốt của lực lượng thanh tra chuyên ngành về khuyến công cụ thể:

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo các về công tác khuyến công theo chức năng, nhiệm vụ về kiểm tra, thanh tra quy định trong luật.

- Bảo đảm chế độ giám sát tài chính sát thực, công khai, minh bạch, gắn trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến công.

- Kết hợp giám sát tài chính với giám sát hoạt động, giám sát cán bộ, gắn với các hoạt động giám sát đầu tư công và sử dụng các quyền lực công của Nhà nước.

- Cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác thanh tra, giám sát hoạt động khuyến công của các cá nhân, tổ chức sử dụng kinh phí khuyến công.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng đến công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực khuyến công thông hiểu và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao.

- Cán bộ thanh tra khi thực thi công việc phải nghiêm minh, không được du di.

- Nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất, định kỳ đối với hoạt động khuyến công để nâng cao chức năng thanh tra, kiểm tra. Tiến hành kiểm tra định kỳ theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra nhằm kịp thời phát hiện, uốn nắn, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm. Các cuộc thanh tra kết thúc nhanh gọn hơn, giảm bớt thời gian, không gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Kết luận thanh tra có sức thuyết phục, chỉ rõ vi phạm, khuyết điểm; xử lý phù hợp với tính chất, mức độ mà pháp luật quy định nhằm giúp các doanh nghiệp và các cá nhân tham gia vào hoạt động khuyến công khắc phục, sửa chữa được nhiều yếu kém, khuyết điểm, vi phạm. Sau thanh tra, kiểm tra phải có thông báo cụ thể đến cá nhân, tập thể được thanh tra biết, thực hiện và theo dõi việc thực hiện kết luận sau thanh tra đến đâu. Có như vậy, công tác thanh tra mới đạt hiệu quả cao.

- Quan tâm xây dựng đội ngũ thanh tra, kiểm tra có đủ trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lực lượng trong sạch vững mạnh nhằm đảm bảo việc thanh tra, giám sát được thực hiện một cách khách quan mang lại hiệu quả cao, đem lại lòng tin nhân dân. Công tác này cũng góp phần giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật, làm cho các chủ thể tự giác chấp hành pháp luật hơn [16].

Để đạt được những nội dung này, cần tập trung vào nội dung chủ yếu sau:

+ Tuyển chọn cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra có đủ năng lực, trình độ, đáp ứng được yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm tra trong tình hình mới.

+ Năng lực của người cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra không đơn giản chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn về khuyến công mà đòi hỏi phải có một

sự hiểu biết toàn diện về tình hình phát triển KT-XH và có quan điểm đúng đắn khi tiến hành thanh tra, kiểm tra để có thể đánh giá chính xác, khách quan bản chất của vấn đề được thanh tra, kiểm tra, tránh sự cứng nhắc, máy móc.

** Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo*

Khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, là công cụ pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi bị xâm phạm, là biểu hiện của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Việc khiếu nại, tố cáo là một kênh thông tin khách quan phản ánh việc thực thi quyền lực của bộ máy Nhà nước, phản ánh tình hình thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến công. Do đó, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khuyến công không những có vai trò quan trọng trong QLNN về khuyến công, mà còn thể hiện mối quan hệ giữa cơ quan QLNN về khuyến công với nhân dân. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo để kiểm tra tính đúng đắn, sự phù hợp của đường lối, chính sách, pháp luật về khuyến công đã ban hành và việc thực hiện chức năng QLNN về khuyến công của cán bộ thực thi nhiệm vụ, từ đó có cơ sở thực tiễn để hoàn thiện các chủ trương đường lối của Đảng và hiệu lực, hiệu quả QLNN về khuyến công. Do vậy, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là một vấn đề được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm.

Để giảm thiểu khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực khuyến công cần biện pháp:

+ Phải chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong thực thi công vụ; tăng cường mối quan hệ và sự phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khuyến công và pháp luật khiếu nại, tố cáo; đề cao trách nhiệm thực hiện chức năng QLNN trên lĩnh vực khuyến công.

+ Tập trung làm tốt công tác tiếp dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư và tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường đối thoại, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc phát sinh (nếu có), không để xảy ra bức xúc của người dân và tạo điểm nóng, không để các vụ việc khiếu nại tồn đọng kéo dài.

** Về tăng cường công tác xử lý vi phạm hành chính*

Xử lý vi phạm về khuyến công là biện pháp thực hiện quyền lực Nhà nước đối với các tổ chức và cá nhân vi phạm quy định về khuyến công. Mục đích của việc xử lý vi phạm là nhằm đảm bảo cho việc chấp hành các quy định của Nhà nước về khuyến công nghiêm minh; giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm và nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định về khuyến công. Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn có vi phạm quy định về khuyến công với tính chất nghiêm trọng đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự phải khởi tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

Cần xử lý nghiêm các cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ QLNN về khuyến công nếu có vi phạm. Đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội và áp dụng chế tài theo quy định của nhà nước. Ngoài ra, với những cán bộ, viên chức tham gia trực tiếp vào hoạt động khuyến công cũng cần có những chế tài xử lý thật nghiêm đối với từng loại hành vi vi phạm.

Tiểu kết Chương 3

Luận văn đã nêu lên một số quan điểm, định hướng và mục tiêu nhằm đẩy mạnh khuyến công. Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động, những thành quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong QLNN đối với khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ở Chương 2, luận văn đã đưa ra 07 giải pháp cụ thể: Hoàn thiện pháp luật về khuyến công; Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về khuyến công; Kiện toàn bộ máy QLNN và bố trí đủ nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công; Tăng cường đầu tư và bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho khuyến công; Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp trong QLNN về khuyến công; Cải cách thủ tục hành chính trong QLNN về khuyến công; Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công nhằm hoàn thiện hoạt động QLNN đối với khuyến công trong thời gian tới. Các giải pháp đưa ra xuất phát từ thực tiễn của địa phương, sẽ đem lại hiệu quả cao nếu được áp dụng trong thời gian tới, góp phần đạt được mục tiêu đã đề ra của Đảng và Nhà nước.

KẾT LUẬN

Khuyến công là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy mọi nguồn lực sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước. Từ khi Nghị định khuyến công của Chính phủ được ban hành, QLNN về khuyến công ở Tiền Giang đã được quan tâm thực hiện, góp phần quan trọng thúc đẩy CN-TTCN phát triển, nhằm tạo ra quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý; tạo điều kiện thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp ở khu vực nông thôn của Đảng và Nhà nước một cách có hiệu quả, từng bước ổn định kinh tế. Tuy vậy, so với yêu cầu phát triển KT-XH trong thời kỳ CNH-HĐH thì công tác QLNN đối với hoạt động khuyến công từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang vẫn còn nhiều hạn chế. Để đạt được mục tiêu hoàn thiện QLNN về khuyến công, luận văn đã tập trung vào các nội dung:

1. Về cơ sở lý luận, luận văn đã khái quát hóa các nội dung cơ bản của công tác khuyến công như khái niệm và vai trò của khuyến công. Đồng thời luận văn cũng đề cập đến sự cần thiết, nội dung và tổ chức bộ máy QLNN về khuyến công ở nước ta hiện nay, những yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về khuyến công.

2. Thực trạng QLNN đối với khuyến công đã được luận văn nêu, phân tích, đánh giá. Qua đó đã làm rõ những mặt đạt được, những thuận lợi và tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại trong QLNN đối với khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang từ năm 2011- tháng 6/2016.

3. Qua lý luận và thực tiễn, trên cơ sở phân tích thực trạng QLNN về khuyến công, kết hợp với các phương hướng hoàn thiện về công tác này trong thời gian tới, luận văn đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả QLNN đối với khuyến công. Đó là những giải pháp về: Hoàn thiện pháp luật về khuyến công; Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về khuyến công; Kiện toàn bộ máy QLNN và bố trí đủ nguồn nhân lực trong lĩnh vực khuyến công; Tăng cường đầu tư và bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho khuyến công; Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp trong QLNN về khuyến công; Cải cách thủ tục hành chính trong QLNN về khuyến công; Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khuyến công.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2013), *Quyết định 999/QĐ-BCT ngày 19/02/2013 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghiệp địa phương*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2011), *Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/09/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2012), *Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2012), *Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2014), *Quyết định 1288/QĐ-Ttg ngày 01/8/2014 Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2015), *Nghị định 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 về Tổ chức và hoạt động Thanh tra ngành Công Thương*, Hà Nội.
7. Cục Công nghiệp địa phương (2010), *Kỷ yếu hoạt động khuyến công giai đoạn 2005-2009*, Hà Nội.
8. Cục Công nghiệp địa phương (2016), *Báo cáo Hội nghị khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam lần thứ III*, Hà Nội.
9. Cục Công nghiệp địa phương (2016), *Hệ thống các văn bản về công tác khuyến công*, Hà Nội.
10. Cục Thống kê Tiền Giang (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2015*.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng khóa XI tại ĐHDB toàn quốc lần thứ XII của Đảng*.
15. Hoàng Ngọc Hòa – Phạm Châu Long – Nguyễn Văn Thạo (2001), *Phát triển công nghiệp nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị quốc gia TP HCM, *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Khối kiến thức thứ ba, Các vấn đề khoa học chính trị và lãnh đạo quản lý Tập 12 Quản lý kinh tế*, Nxb Lý luận chính trị.
17. Nguyễn Tư Long (2008), *Quan điểm của Đảng về hệ thống pháp luật trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 9), tr 9.
18. Nguyễn Văn Phúc (2004), *Công nghiệp nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang (2015), *Báo cáo số 2226/BC-SCT ngày 24/11/2015 về Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2015*.
20. Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang (2016), *Báo cáo Tổng kết Chương trình khuyến công tỉnh Tiền Giang đến năm 2015*.
21. Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang (2016), *Đề án Tái cấu trúc ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
22. Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang (2016), *Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.
23. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2015), *Quyết định 3816/QĐ-UBND ngày 31/1/2015 Ban hành Chương trình Khuyến công tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016-2020*.
24. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2015), *Quyết định 3838/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Công Thương Tiền Giang*.

25. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2016), *Báo cáo 02/BC-UBND ngày 07/01/2016 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020*.

26. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2016), *Quyết định 17/2016/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*.

27. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2016), *Quyết định 1065/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang*.

28. Nguyễn Cửu Việt (2008), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. Nguyễn Cửu Việt và Nguyễn Cảnh Hợp, (2010) *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.